ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

DƯƠNG THỊ THẢO

GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN (1986 - 2016)

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

THÁI NGUYÊN - 2018

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

DƯƠNG THỊ THẢO

GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN (1986 - 2016)

Ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 8.22.90.13

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học: TS. KIM NGỌC THU TRANG

THÁI NGUYÊN - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu: ***"Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên (1986 - 2016)"*** dưới sự hướng dẫn của **TS. Kim Ngọc Thu Trang** là kết quả nghiên cứu của cá nhân tôi, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực, chưa được công bố.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018

Tác giả luận văn

Dương Thị Thảo

LỜI CẢM ƠN

Luận văn này được hoàn thành với sự giúp đỡ của nhiều cơ quan, tập thể và cá nhân. Trước hết, tôi xin được gửi lời cảm ơn tới Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, Chi cục Thống Kê tỉnh Thái Nguyên, Thư viện tỉnh Thái Nguyên, Uỷ ban nhân dân huyện Phú Bình, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình, các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông trên địa bàn huyện Phú Bình.

Đặc biệt, với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi gửi lời cảm ơn đến cô giáo hướng dẫn TS. Kim Ngọc Thu Trang - người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn.

Tôi cũng xin được trân trọng cảm ơn các thầy cô trong khoa Lịch sử trường Đại học Sư Phạm - Đại học Thái Nguyên đã tạo điều kiện về mọi mặt để tôi yên tâm học tập.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn tới người thân và bạn bè đã luôn động viên, chia sẻ tạo điều kiện tốt nhất cho tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận văn.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018

Tác giả luận văn

DƯƠNG THỊ THẢO

MỤC LỤC

Trang

Lời cam đoan i
Lời cảm ơn ii
Mục lục iii
Danh mục các chữ viết tắt iv
Danh mục các bảng v
MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề 2
3. Đối tượng, nhiệm vụ, mục đích và phạm vi nghiên cứu. 5
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu 6
5. Đóng góp của luận văn 7
6. Bố cục của luận văn 7
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN VÀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG PHÚ BÌNH TRƯỚC NĂM 1986 8
1.1. Vài nét về huyện Phú Bình 8
1.1.1. Tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội và dân cư 8
1.1.2 . Lịch sử hành chính tên gọi và lịch sử truyền thống 15
Lịch sử hành chính và tên gọi 15
1.2. Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình trước năm 1986 18
1.2.1. Thời Pháp thuộc 18
1.2.2 Thời kì từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1985 20
Tiểu kết chương 1 33
Chương 2: TÌNH HÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2016 34
2.1. Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình trong 10 năm đầu thời kì đổi mới (1986 - 1996) 34

2.1.1. Các yếu tố tác động đến giáo dục phổ thông huyện Phú Bình.....34
2.1.2. Tình hình giáo dục phổ thông huyện Phú Bình giai đoạn 1986 - 1996 ..36
2.2. Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình giai đoạn 1997 - 2016 40
2.2.1. Các yếu tố tác động đến giáo dục phổ thông huyện Phú Bình.....40
2.2.2. Tình hình giáo dục phổ thông huyện Phú Bình giai đoạn 1997 - 2016 ..46
Tiểu kết chương 2 67
Chương 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN PHÚ BÌNH QUA 30 NĂM (1986 – 2016).....68
3.1. Những thành tựu của giáo dục phổ thông Phú Bình 68
3.2. Những hạn chế của giáo dục phổ thông Phú Bình và nguyên nhân.....71
3.3. Đặc điểm của giáo dục phổ thông huyện Phú Bình.....73
3.4. Bài học kinh nghiệm.....74
Tiểu kết chương 3 77
KẾT LUẬN.....78
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....81
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ cái viết tắt	Nội dung
1	CSVC	Cơ sở vật chất
2	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
3	KCN	Khu công nghiệp
4	NXB	Nhà xuất bản
5	PCGDTH	Phổ cập giáo dục tiểu học
6	TH	Tiểu học
7	THCS	Trung học cơ sở
8	THPT	Trung học phổ thông
9	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 1.1. Kết cấu các dân tộc ở huyện Phú Bình 14
Bảng 2.1. Số lượng trường, lớp, học sinh cấp TH từ năm 1997 đến năm 2016 47
Bảng 2.2. Số lượng trường, lớp, số lượng học sinh cấp THCS từ năm 1997 đến năm 2016 48
Bảng 2.3. Số lượng trường, lớp, học sinh cấp THPT từ năm 1997 đến năm 2016 49
Bảng 2.4. Số lượng học sinh các cấp học từ năm 1997 đến năm 2016..... 50
Bảng 2.5. Chất lượng giáo dục tiểu học năm học 2014 - 2015 53
Bảng 2.6. Xếp loại đánh giá 2 mặt giáo dục THCS năm học 2002 - 2003 55
Bảng 2.7. Xếp loại đánh giá học lực học sinh THCS năm học 2013 - 1014..... 55
Bảng 2.8. Xếp loại đánh giá hạnh kiểm học sinh THCS năm học 2013 - 2014.... 55
Bảng 2.9. Chất lượng 2 mặt giáo dục từ năm 2003 đến năm 2015 Trường THPT Lương Phú 56
Bảng 2.10. Thống kê kết quả 2 mặt giáo dục từ năm 2009 đến năm 2015 trường THPT Điềm Thụy 57
Bảng 2.11. Số lượng giáo viên của từng cấp học từ năm 1997 đến năm 2016 61

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục được coi là một hiện tượng xã hội, xuất hiện do nhu cầu nhận thức của con người và luôn có một vai trò to lớn đối với sự phát triển của mỗi cá nhân, cộng đồng và toàn nhân loại. Giáo dục luôn được coi là quốc sách hàng đầu của mỗi một quốc gia. Mỗi quốc gia chỉ có thể phát triển khi giáo dục và đào tạo được quan tâm, phát triển.

Ở Việt Nam, ngay từ thời phong kiến, các bậc minh quân đã nhận thấy tầm quan trọng đặc biệt của giáo dục đối với sự tồn vong của xã hội. Học giả Thân Nhân Trung đã nhận xét: "*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*".

Kế thừa và tiếp tục phát huy truyền thống hiếu học của cha ông, từ khi Cách mạng tháng Tám thành công đến nay, giáo dục Việt Nam luôn được ưu tiên là*"Quốc sách hàng đầu"* để phát triển đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không! Dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không! Đó là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu"* [28, tr.33]. Bởi vậy, lấy tư tưởng của Người: "*Vì lợi ích mười năm trồng cây. Vì lợi ích trăm năm trồng người*" làm kim chỉ nam, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, tạo điều kiện phát triển giáo dục, đẩy mạnh đào tạo đội ngũ trí thức trẻ giàu năng lực để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam hiện nay, nhân tố mang tính đột phá cần chú trọng đầu tiên là giáo dục phổ thông (gồm 3 bậc học: Tiểu học (TH), Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT). Giáo dục phổ thông được coi là *"xương sống",* là "*nền tảng văn hóa của một nước, là sức mạnh tương lai của một dân tộc".* Bên cạnh những kết quả nhất định, trong những năm gần đây, nền giáo dục của nước ta cũng phải đối mặt với một số bất cập như chạy theo thành tích, thương mại hóa giáo dục hay chương trình quá tải. Những vấn đề này không chỉ là khó khăn cần phải giải quyết triệt để đối với

giáo dục phổ thông ở từng địa phương, trong đó có tỉnh Thái Nguyên nói riêng mà đối với cả nền giáo dục của nước ta nói chung.

Phú Bình là một huyện trung du miền núi, địa đầu phía Đông Nam của tỉnh Thái Nguyên, là một huyện còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Năm 1986, đất nước ta tiến hành đổi mới, dưới sự quan tâm và lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) huyện Phú Bình được đầu tư phát triển và đạt nhiều thành tựu quan trọng. Những biến đổi trong hệ thống giáo dục phổ thông đã mang lại cho Phú Bình diện mạo mới với một hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ, khang trang, sạch sẽ, chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục được nâng cao, đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân địa phương, góp phần đáng kể vào phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục phổ thông Việt Nam nói chung và các huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng. Đối với Phú Bình, nội dung nghiên cứu của các đề tài chủ yếu về cuộc sống nông thôn mới, về công cuộc xóa đói giảm nghèo, về xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư… nhưng chưa có một công trình nghiên cứu nào hệ thống và đầy đủ về các mặt của giáo dục phổ thông ở huyện Phú Bình từ sau đổi mới đến nay. Vì vậy, việc nghiên cứu giáo dục phổ thông Phú Bình từ năm 1986 đến năm 2016 không chỉ làm rõ về chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục, mà quan trọng hơn là đi sâu nghiên cứu về những thành tựu và hạn chế của giáo dục phổ thông Phú Bình qua các giai đoạn cụ thể, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mang tính chất tham khảo nhằm thúc đẩy sự phát triển giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông Việt Nam nói riêng trong tương lai.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi chọn ***"Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên (1986 - 2016)"*** làm đề tài luận văn thạc sĩ với hi vọng sẽ góp phần làm sáng tỏ những khía cạnh đặt ra ở trên.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Vấn đề giáo dục phổ thông Việt Nam nói chung và huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên nói riêng đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu, ở những mức độ và khía cạnh khác nhau.

2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về giáo dục phổ thông

Tác phẩm "*Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI"*của GS. TS Phạm Minh Hạc được NXB Giáo dục Hà Nội xuất bản năm 1992 đã trình bày khái quát sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam qua các thời kì chống Pháp (1945 - 1954), chống Mĩ (1954 - 1975) và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 - 1990). Đóng góp quan trọng của công trình là đã phân tích cụ thể đặc điểm, tính chất, nguyên lý, nội dung của hệ thống giáo dục ở nước ta qua từng giai đoạn lịch sử, qua từng cấp học từ mầm non đến giáo dục tiểu học, làm nổi bật mối quan hệ giữa giáo dục và nguồn lực phát triển xã hội.

Cuốn "*Giáo dục nhân cách, Đào tạo nhân lực*" do NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, xuất bản năm 1997 đã đề cập và đánh giá khía cạnh mục tiêu cơ bản của giáo dục hiện nay là phát triển nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Từ góc độ đó, tác giả đánh giá vai trò của giáo dục Việt Nam trong thời gian qua và đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả của giáo dục đối với phát triển nhân cách con người và đào tạo nhân lực cho đất nước.

Cuốn sách *"Nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử*" của tác giả Nguyễn Đăng Tiến, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội xuất bản năm 2001 đã tập trung trình bày về thực trạng giáo dục phổ thông ở nước ta trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1995. Cuốn sách giúp cho người đọc có được cái nhìn tổng thể về hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam đến năm 1995.

Cuốn *"Lịch sử giản lược hơn 1000 năm giáo dục Việt Nam*" của tác giả Lê Văn Giang, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2003 đã trình bày khái quát về giáo dục Việt Nam từ sau năm 1975 đến 2000. Cuốn sách đã trình bày giản lược lịch sử nền giáo dục của việt Nam thống nhất và chủ nghĩa xã hội từ năm 1975 đến năm 2000.

Cuốn "*Lịch sử giáo dục Việt Nam*" của tác giả Bùi Minh Hiển biên soạn được phát hành năm 2004, đã khái quát lịch sử giáo dục Việt Nam qua các thời kỳ, trong đó đã dành những trang nhất định trình bày về giáo dục phổ thông từ năm 1975 đến năm 2000.

Công trình *"Giáo dục Việt Nam thời cận đại*" của tác giả Phan Trọng Báu NXB Giáo dục xuất bản năm 2006 đã khái quát bức tranh toàn cảnh của giáo dục Việt Nam từ khoa cử Nho giáo sang nền giáo dục thực nghiệm

Trong cuốn "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*" NXB Giáo dục Hà Nội xuất bản năm 2008, tác giả Đặng Quốc Bảo đã tập hợp các văn bản, bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục, đồng thời rút ra những bài học có giá trị đến ngày nay.

2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về giáo dục phổ thông tỉnh Thái Nguyên

Luận văn thạc sỹ *"Giáo dục phổ thông ở Thái Nguyên từ khi tái thành lập tỉnh đến nay (1997-2005)"* của tác giả Nguyễn Minh Tuấn đã tập trung trình bày về sự phát triển và những đặc điểm của giáo dục phổ thông Thái Nguyên từ năm 1997 đến năm 2005.

Luận văn thạc sỹ *"Giáo dục phổ thông tỉnh Thái Nguyên (1945 - 1954)"* của tác giả Bùi Thị Hoa đã tập trung trình bày tương đối đầy đủ về giáo dục phổ thông tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 10 năm kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954, đồng thời chỉ ra đường lối phát triển giáo dục của Đảng ta trong giai đoạn này.

Luận văn thạc sỹ *"Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo sự nghiệp giáo dục từ năm 1997 đến 2005"* của tác giả Lý Trung Thành đã phân tích các chủ trương, đường lối phát triển giáo dục của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên từ năm 1997 đến năm 2005; Những biện pháp để phát triển giáo dục trong giai đoạn này.

Luận văn thạc sỹ *"Chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên từ năm 1986 đến 2015"* của tác giả Nguyễn Mai Biển đã trình bày sơ lược về tình hình kinh tế, xã hội huyện Phú Bình trước năm 1986 và đi sâu phân tích những chuyển biến trên lĩnh vực kinh tế, xã hội từ năm 1986 đến năm 2015.

Như vậy, cho đến nay chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu về giáo dục phổ thông huyện Phú Bình tỉnh Thái nguyên từ năm 1986 đến năm 2016 dưới góc độ khoa học lịch sử. Mặc dù vậy, tất cả những công trình kể trên đều là những nguồn tư liệu qúy giá, có ý nghĩa với tác giả trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

3. Đối tượng, nhiệm vụ, mục đích và phạm vi nghiên cứu.

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu mà Luận văn hướng tới là giáo dục phổ thông ở huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên từ năm 1986 đến năm 2016.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học về giáo dục Việt Nam, trong đó trọng tâm là giáo dục phổ thông ở huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên (1986 - 2016). Để làm sáng tỏ nội dung Luận văn, chúng tôi tập trung đi sâu nghiên cứu những vấn đề trọng yếu sau:

- Khái quát về huyện Phú Bình và giáo dục phổ thông huyện Phú Bình trước năm 1986.

- Trình bày chủ trương, đường lối phát triển giáo dục phổ thông của Đảng, nhà nước và địa phương trong giai đoạn từ 1986 đến 2016.

- Làm rõ quá trình phát triển của hệ thống giáo dục phổ thông ở huyện Phú Bình từ năm 1986 đến năm 2016 qua các giai đoạn.

- Đánh giá kết quả, thành tựu cơ bản và những hạn chế của giáo dục phổ thông ở huyện Phú Bình (1986 - 2016). Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho sự phát triển hệ thống giáo dục phổ thông ở Phú Bình trong những giai đoạn sau.

3.3. Mục đích nghiên cứu.

+ Thấy được những thành tích tiêu biểu của giáo dục THPT huyện Phú Bình qua các giai đoạn từ 1986 -1996; từ 1997 -2016.

. + Rút ra được những hạn chế, bài học kinh nghiệm, nguyên nhân về những hạn chế của giáo dục THPT huyện Phú Bình.

3.4. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu của Luận văn về không gian là huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên.

- Phạm vi thời gian mà Luận văn bao quát là từ năm 1986 đến năm 2016. Tuy nhiên, để làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu, chúng tôi phải mở rộng phạm vi thời gian nghiên cứu về trước năm 1986.

- Phạm vi nội dung: Đề tài đi sâu phân tích về giáo dục phổ thông ở huyện Phú Bình, Thái Nguyên trong 2 giai đoạn (1986 - 1996) và (1997 - 2016).

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

Để hoàn thành Luận văn, chúng tôi dựa trên các nguồn tài liệu chủ yếu sau:

- Các công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam trên lĩnh vực giáo dục… đặc biệt là trong giai đoạn lịch sử mà Luận văn hướng tới. Ngoài ra, phải kể đến các luận văn thạc sĩ, cử nhân, các đề tài, báo cáo liên quan đến giáo dục phổ thông Việt Nam nói chung và Phú Bình tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

- Các văn kiện của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Các văn bản chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Bộ GD&ĐT có liên quan đến giáo dục phổ thông Phú Bình.

- Các tác phẩm lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình, lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, lịch sử địa phương…. Niên giám thống kê, phần tổng kết giáo dục của huyện Phú Bình giai đoạn 1986 - 2016.

- Các báo cáo, tổng kết, phương án năm học của Sở GD&DT tỉnh Thái Nguyên giai đoạn từ năm 1986 đến 2016.

- Các báo cáo số liệu, các loại bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận lưu trữ tại các trường phổ thông trong phạm vi toàn huyện Phú Bình.

- Các tài liệu khảo sát điền dã gặp gỡ trao đổi với các nhân chứng trên địa bàn huyện Phú Bình.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện, đề tài sử dụng hai phương pháp chính là *phương pháp lịch sử* và *phương pháp lôgic*. Phương pháp lịch sử được sử dụng nhằm khái quát một cách có hệ thống, tái hiện lại toàn cảnh bức tranh giáo dục

phổ thông ở huyện Phú Bình từ năm 1986 đến năm 2016 qua từng giai đoạn. Phương pháp lôgic được vận dụng nhằm đánh giá bản chất, tính tất yếu, quy luật vận động khách quan của giáo dục phổ thông huyện Phú Bình, đồng thời rút ra những nhận xét và bài học kinh nghiệm về giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện trong những giai đoạn tiếp theo. Ngoài ra, Luận văn còn vận dụng các *phương pháp tổng hợp* và *phân tích, điền dã, thống kê, so sánh đối chiếu, phương pháp điều tra, hệ thống hóa* bằng bảng biểu, sơ đồ để Luận văn có cái nhìn tổng quát hơn.

5. Đóng góp của luận văn

- Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách cụ thể và hệ thống về giáo dục phổ thông huyện Phú Bình từ năm 1986 đến năm 2016.

- Luận văn có thể sử dụng như một công trình tham khảo, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử địa phương, lịch sử văn hóa, giáo dục.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên và tình hình giáo dục phổ thông Phú Bình trước năm 1986.

Chương 2: Tình hình giáo dục phổ thông huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên từ năm 1986 đến năm 2016.

Chương 3: Đánh giá về giáo dục phổ thông huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên từ năm 1986 đến năm 2016.

Chương 1
KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN VÀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG PHÚ BÌNH TRƯỚC NĂM 1986

1.1. Vài nét về huyện Phú Bình

1.1.1. Tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội và dân cư

Tự nhiên

Phú Bình là một huyện trung du miền núi, nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Thái Nguyên, phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Đồng Hỷ, phía Tây và Tây Nam giáp huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên, phía Đông giáp huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang, phía Nam giáp huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang. Từ thành phố Thái Nguyên đi hướng theo quốc lộ 37 khoảng 28km sẽ đến trung tâm huyện là thị trấn Hương Sơn.

Phú Bình được coi như một chiếc cầu nối liền vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ tốt tươi với vùng núi non hiểm trở phía Bắc, là ngã ba lân cận thuận tiện cho việc giao lưu giữa các tỉnh như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang.

Với vị trí địa lí như vậy, Phú Bình trở thành điểm cầu nối liền kinh tế của các tỉnh vùng núi phía Bắc nước ta với các tỉnh hạ lưu sông Hồng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương kinh tế của tỉnh, đặc biệt là việc mở rộng các khu công nghiệp trên địa bàn huyện như hiện nay sẽ giúp tỉ trọng thành phần kinh tế Công nghiệp được nâng cao.

Sự kiến tạo địa chất và 2 con sông Cầu và sông Đào đã làm địa hình của huyện Phú Bình bị chia cắt làm 3 vùng:

Vùng 1: (Tả ngạn sông Máng) gồm 7 xã miền núi: Đồng Liên, Bàn Đạt, Đào Xá, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Thành, Tân Hoà và 1 xã trung du Bảo Lý.

Vùng 2: Có địa hình trung bình gồm 6 xã và 1 thị trấn: Xuân Phương, Kha Sơn, Dương Thành, Thanh Ninh, Lương Phú, Tân Đức và thị trấn Hương Sơn.

Vùng 3: (Vùng nước kênh Núi Cốc) có 6 xã: Hà Châu, Nga My, Điềm Thuỵ, Thượng Đình, Nhã Lộng, Úc Kỳ.

Địa hình Phú Bình thuộc nhóm cảnh quan địa hình đồng bằng và nhóm cảnh quan hình thái địa hình gò đồi. Nhóm cảnh quan địa hình đồng bằng, rìa đồng bằng Bắc Bộ, với độ cao địa hình 10 - 15m. Kiểu địa hình đồng bằng xen lẫn đồi núi thoải dạng bậc thềm cổ có diện tích lớn hơn phân bố dọc sông Cầu. Nhóm cảnh quan hình thái địa hình gò đồi của Phú Bình thuộc loại kiểu cảnh quan gò đồi thấp, trung bình, dạng bát úp, với độ cao tuyệt đối 50 - 70m. Trước đây, phần lớn diện tích nhóm cảnh quan hình thái địa hình núi thấp có lớp phủ rừng nhưng hiện nay lớp phủ rừng đang bị suy giảm, diện tích rừng tự nhiên hầu như không còn. Địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho việc trồng lúa nước. Địa hình có nhiều đồi núi thấp cũng là một lợi thế của Phú Bình, đặc biệt trong việc tạo khả năng, tiềm năng cung cấp đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, công trình thủy lợi, khu công nghiệp.

Khí hậu Phú Bình mang đặc tính của khí hậu miền núi trung du Bắc Bộ - nhiệt đới gió mùa, gồm hai mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Mùa hè có gió Đông Nam mang về khí hậu ẩm ướt. Mùa đông có gió mùa Đông Bắc, thời tiết lạnh và khô. Theo số liệu của Tổng cục Khí tượng Thủy văn, nhiệt độ trung bình hàng năm của huyện dao động khoảng 23,1^{o} - 24,4^{o}C. Nhiệt độ chênh lệch giữa tháng nóng nhất (tháng 6 - 28,9^{o}C) và tháng lạnh nhất (tháng 1 - 15,2^{o}C) là 13,7^{o}C. Tổng tích ôn hơn 8.000^{o}C. Tổng giờ nắng trong năm giao động từ 1.206 - 1.570 giờ. Lượng bức xạ 155Kcal/cm^{2}. Lượng mưa trung bình năm khoảng từ 2.000 đến 2.500 mm, cao nhất vào tháng 8 và thấp nhất vào tháng 1. Độ ẩm trung bình hàng năm khoảng 81-82%. Độ ẩm cao nhất vào tháng 6, 7, 8 và thấp nhất vào tháng 11, 12.

Có thể nói, điều kiện khí hậu - thủy văn của Phú Bình khá thuận lợi cho việc phát triển các ngành nông, lâm nghiệp với các cây trồng vật nuôi thích hợp với địa bàn trung du.

Trên địa bàn huyện Phú Bình có quốc lộ 37 chạy qua với khoảng 17,3km, nối liền huyện với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang. Ngoài ra còn có

khoảng 35,1 km tỉnh lộ chạy qua địa bàn huyện (5 km ĐT261; 9,9 km ĐT266; 5,5 km ĐT261C; 14,7 km ĐT269B). Hệ thống quốc lộ và tỉnh lộ trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông của huyện với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh. Hiện nay, dự án đường giao thông nối từ quốc lộ 3 đi Điềm Thuỵ đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh cho điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch mạng lưới giao thông của tỉnh. Sở Giao thông vận tải đang tiến hành lập dự án đầu tư với quy mô đường cấp cao đô thị lộ giới 42m. Đây là tuyến đường nối liền Khu công nghiệp (KCN) Sông Công, KCN phía Bắc huyện Phổ Yên với các KCN của huyện Phú Bình. Dự án hoàn thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải, lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế xã hội của huyện cũng như liên kết kinh tế với địa phương bạn và các tỉnh khác. Ngoài ra, một dự án xây dựng đường dài 10,3 km, rộng 120 m, nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên với Phú Bình, đi qua Tổ hợp dự án khu công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ Yên Bình đang được phê duyệt và xúc tiến đầu tư. Khi tuyến đường này hoàn thành hứa hẹn sẽ tạo ra sự đột phá cho sự phát triển kinh tế của huyện. Với vị trí địa lý của mình nằm cách không xa thủ đô Hà Nội và sân bay Nội Bài, sự phát triển những tuyến giao thông huyết mạch như trên còn giúp Phú Bình đón đầu xu hướng dãn và di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi Hà Nội, tạo điều kiện cho Phú Bình đón nhận đầu tư trong nước và nước ngoài để trở thành một trung tâm công nghiệp dịch vụ của tỉnh cũng như của vùng.

Kinh tế: Cơ cấu kinh tế của huyện Phú Bình là nông nghiệp - lâm nghiệp - công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, trong đó cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp là chủ yếu và giữ vị trí quan trọng.

Người dân Phú Bình hàng trăm năm qua vẫn gắn bó với sản xuất nông nghiệp. Trong những năm gần đây kết cấu kinh tế hộ gia đình ở Phú Bình đã phát triển đa dạng và vững chắc chủ yếu là sản xuất theo kiểu trồng cây, nuôi cá và chăn nuôi gia súc. Trong đó, ngành chăn nuôi tăng nhanh. Mặc dù sản xuất nông nghiệp còn gặp khó khăn do nhiều điều kiện khách quan và chủ quan như đất sản xuất xấu, hệ thống thủy nông vẫn còn những hạn chế nhất định

những Phú Bình vẫn coi là một vựa lúa của tỉnh Thái Nguyên với những đóng góp nhất định vào sự phát triển kinh tế tỉnh nhà.

Bên cạnh nông nghiệp, lâm nghiệp Phú Bình chủ yếu tập trung ở một số xã vùng núi như Tân Thành, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Hòa. Tuy nhiên, diện tích đất lâm nghiệp của huyện hiện không còn rừng tự nhiên. Toàn bộ diện tích 6.218 ha rừng của huyện là rừng trồng, chủ yếu là cây keo.

Công nghiệp Phú Bình trong những năm gần đây có những bước khởi sắc mới. Năm 2015, kinh tế của huyện Phú Bình đã có sự chuyển dịch nhanh, đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch giao. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ.

Bên cạnh hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống, ở Phú Bình cũng có nhiều làng nghề như làm gốm ở xóm Lang Tạ, nghề đan lát mây tre, nghề làm mộc dân dụng. Tuy nhiên, các nghề thủ công trên địa bàn huyện chủ yếu là phục vụ cho nhu cầu của người dân địa phương, chưa có sản phẩm để xuất khẩu. Với vị trí địa lí thuận lợi, hoạt động trao đổi buôn bán ở Phú Bình cũng khá nhộn nhịp. Sản phẩm chủ yếu là các mặt hàng nông sản. Thị trường tiêu thụ là thành phố Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh.

Phú Bình trước đây vốn được biết đến như một huyện thuần nông của tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, trong những năm gần đây với sự khởi sắc về kinh tế Phú Bình đã trở thành một điểm đến đầy hứa hẹn của các nhà đầu tư. Mặc dù vậy nhưng những giá trị truyền thống của Phú Bình vẫn được bảo lưu và được thế hệ trẻ tiếp tục phát huy để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Văn hóa - xã hội: Trong kháng chiến chống Pháp, Phú Bình là địa bàn An toàn khu, bởi vậy nơi đây có nhiều di tích lịch sử. Trên địa bàn huyện Phú Bình tổng cộng có 70 di tích văn hóa lịch sử, trong đó có 7 di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia, 10 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Trong số những di tích đó có nhiều đình, chùa nổi tiếng, có giá trị cao về lịch

sử và văn hóa. Ngoài ra, Phú Bình còn có một số địa danh khá nổi tiếng như cụm di tích đình, đền chùa Cầu Muối xã Tân Thành, Đình Phương Độ xã Xuân Phương, đình Xuân La, chùa Úc Kì, chùa Mai Sơn.. được xây dựng từ thời Lý - Trần với lối kiến trúc nghệ thuật độc đáo, tạo nên vẻ đẹp thanh bình của vùng quê lấy gieo trồng lúa nước làm cơ sở sinh tồn và phát triển. Ngoài ra, còn có hệ thống đình và chùa dày đặc trên địa bàn huyện như đình Đông xã Tân Đức, đình Phi Long xã Tân Đức, chùa Hản xã Tân đức…

Ngày nay, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao được phát triển rộng rãi từ cấp cơ sở, nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động, góp phần xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn.

Cùng với các hoạt động văn hóa thì đời sống xã hội của người dân nơi đây ngày càng có những sự thay đổi.

Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh cho nhân dân thường xuyên được duy trì. Phong trào trồng, chế biến và sử dụng thuốc Nam chữa bệnh được triển khai nhân rộng và có hiệu quả. Mặc dù cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn thiếu thốn, nhưng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vẫn được Đảng bộ quan tâm thỏa đáng. Bệnh viện huyện, khu điều trị bệnh phong và nhiều trạm y tế xã được củng cố. Để khắc phục tình trạng thiếu thuốc tân dược, các cơ sở y tế trong huyện thường xuyên khai thác nguồn thuốc đông, nam dược phụ chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Hiện nay trên địa bàn toàn huyện trong tất cả các xã đã có trạm y tế xã, 01 trung tâm y tế dự phòng huyện và 01 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, đáp ứng tối thiểu nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

Bên cạnh đó, công tác quân sự địa phương luôn nhận được quan tâm hàng đầu của các cấp ủy Đảng. Các cấp lãnh đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ về đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, chiến tranh nhân dân và nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nêu cao tình thần cảnh

giác đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Công tác phòng, chống ma túy và tệ nạn xã hội trên địa bàn đạt được nhiều thành tựu. Năm 2004, các cơ quan, ban ngành chức năng của huyện đã tổ chức được 281 buổi tuyên truyền, phòng chống tệ nạn xã hội cho 65.000 lượt người nghe, tuy nhiên đến năm 2004 trên toàn địa bàn huyện Phú Bình vẫn còn 498 người nghiện ma túy [1, tr.383].

Ngày nay, sự nghiệp giáo dục ở Phú Bình đã được quan tâm tạo điều kiện phát triển ở mọi cấp. Nếu như trong những năm 1945 – 1945 toàn huyện có tới 95% dân số bị mù chữ [1, tr.16] thì đến 70 năm sau, giáo dục và đào tạo đã có nhiều chuyển biến mới. Đến năm học 2015 – 2016 cả huyện đã có 66 trường học trong đó có 22 trường mẫu giáo, 22 trường TH, 21 trường THCS và 3 trường THPT, 1 trung tâm giáo dục thường xuyên. Đội ngũ giáo viên có đến 1.687 người có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học. Tổng số học sinh phổ thông trên toàn huyện là 26.464 em, số người chưa biết chữ chỉ chiếm trên 15% trên tổng số dân toàn huyện, học sinh ở những xã xa trung tâm, vùng sâu vùng xa cũng đều tham gia vào các hoạt động giáo dục [8, tr37]

Dân cư

Phú Bình là một huyện với nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, trong đó chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, là các dân tộc khác như Tày, Nùng, Sán Dìu… Bên cạnh những cư dân bản địa lâu đời, Phú Bình còn có một bộ phận là dân định cư do bọn điền chủ người Pháp và người Việt bắt làm việc cho chúng trong các đồn điền thời Pháp thuộc và một bộ phận là dân từ các tỉnh, các vùng khác lên tản cư theo chính sách thời chiến của cách mạng. Sự phong phú về thành phần dân cư đã góp phần hình thành nên một nền văn hóa các dân tộc khá đa dạng ở Phú Bình.

Bảng 1.1. Kết cấu các dân tộc ở huyện Phú Bình

stt	Dân tộc	Khẩu	Tỉ lệ %	Ghi chú
1	Kinh	126,701	93,55	
2	Nùng	4,226	3,12	
3	Sán Dìu	2.429	1,84	
4	Tày	1.653	1,22	
5	Hoa	196	0,14	
6	Dao	56	0,04	
7	H'Mông	24	0,02	
8	Sán Chay	22	0,02	
9	Mường	20	0,01	
10	Ngái	13	0,01	
11	Gia Rai	9	0,01	
Tổng cộng		**474.001**	**100**	

Qua bảng trên ta có thể thấy rằng dân tộc kinh chiếm khoảng 93,55%, chiếm tỉ lệ đông nhất trong thành phần dân tộc tại đây, các dân tộc thiểu số còn lại chiếm tỉ lệ rất thấp.

Theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2007 thì huyện Phú Bình có tổng số dân là 142.218 người với mật độ dân số 556 người/km2, đứng hàng thứ hai trong tỉnh sau thành phố Thái Nguyên. Sự phân bố dân cư trong huyện không đồng đều. Ở các xã miền núi dân cư thưa thớt, trong khi ở các xã phía nam dân cư quần tụ đông đúc hơn nhiều. Là một huyện thuần nông nên ở Phú Bình, dân số nông thôn chiếm trên 98%, dân số thị trấn chỉ có trên 1,2% tổng số dân của huyện.

Như vậy, Phú Bình hiện nay đang là một địa phương nắm những ưu thế lớn về tiềm lực kinh tế và xã hội. Khai thác và vận dụng có hiệu quả những tiềm lực đó Phú Bình sớm trở thành một địa phương có nền kinh tế phát triển,

xóa bỏ sự tụt hậu về khoảng cách xã hội với các địa phương khác trong tỉnh. Những thách thức mới được đặt ra đòi hỏi các cấp quản lí và lãnh đạo phải có những chính sách đúng đắn và kịp thời để sẵn sàng đưa Phú Bình phát triển lên một tầm cao mới.

1.1.2 . Lịch sử hành chính tên gọi và lịch sử truyền thống

Lịch sử hành chính và tên gọi

Phú Bình là một huyện trung du miền núi thuộc khu vực Đông Nam của tỉnh Thái Nguyên. Thời nhà Lý, đất Phú Bình ngày nay thuộc huyện Tư Nông . Thời vua Lê Thánh Tông, Tư Nông là một trong số tám huyện của phủ Phú Bình, thuộc thừa tuyên Ninh Sóc(tên gọi của tỉnh Thái Nguyên). Đến thế kỉ XIX, dưới triều Nguyễn, vua Minh Mạng chia cả nước thành 31 tỉnh, tỉnh Thái Nguyên có 2 phủ là phủ Phú Bình và phủ Tòng Hóa, Tư Nông thuộc phủ Phú Bình, có 9 tổng gồm 54 xã, thôn:

Tổng Nhã Lộng (7 xã, thôn): xã Triều Dương, xã Nhã Lộng, xã Úc Kỳ, xã Điềm Thụy, xã Ngọc Long, thôn Ngọc Sơn, thôn Cống Thượng.

Tổng Thượng Đình (9 xã, thôn): xã Thượng Đình, xã Quan Tràng, xã Đào Xá, xã Ninh Sơn, xã Thuần Lương, xã Dưỡng Mông, xã Lục Dương, thôn Nông Cúng, thôn Đình Kiều.

Tổng Nghĩa Hương (4 xã, thôn): xã Trang Ôn, xã Vân Dương, thôn Cầu Đông xã Nghĩa Hương, thôn Yên Mễ xã Nghĩa Hương.

Tổng La Đình (9 xã, thôn): xã La Đình, xã Mai Sơn, xã Kha Nhi, xã La Sơn, xã Úc Sơn, xã Phương Độ, xã Bằng Cầu, thôn Thượng xã Kha Sơn, thôn Hạ xã Kha Sơn.

Tổng Phao Thanh (6 xã): xã Phao Thanh, xã Lương Tạ, xã Phú Mỹ, xã Lương Trình, xã Thanh Lương, xã Ngô Xá.

Tổng Đức Lân (6 xã, thôn): xã Đức Lân, xã Nỗ Dương, xã Loa Lâu, xã Lũ Vân, thôn Nội xã Xuân Nùng, thôn Ngoại xã Xuân Nùng.

Tổng Tiên La (4 xã): xã Tiên La, xã Điều Khê, xã Bạch Thạch, xã Vân Đồn

Tổng Lý Nhân (6 xã): xã Lý Nhân, xã Đăng Nhân, xã Kim Lĩnh, xã Lũ An, xã Cô Giạ, xã Chỉ Mê.

Tổng Bảo Vang (3 xã phường): xã Bảo Nang, xã Thanh Huống, phường Thủy Cơ xã Triệu Dương.[27, tr.67]

Cuối thế kỷ XIX, vùng đất ngày nay là xã Hà Châu và xã Nga My được cắt khỏi huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh để nhập vào huyện Thông Nông tỉnh Thái Nguyên. Năm 1904, chính quyền thực dân Pháp đặt cấp châu, huyện trực thuộc cấp tỉnh. Huyện Thông Nông đổi thành huyện Phú Bình. Từ đây, huyện gồm 9 tổng, 45 xã, thôn.

Như vậy, cùng với sự phát triển của lịch sử dân tộc, Phú Bình là một đơn vị hành chính tồn tại từ lâu đời, tuy có những thời điểm khác nhau về tên gọi nhưng Phú Bình là một địa danh đã được ghi nhận từ lâu, được xuất hiện trong một số tác phẩm mang tính chất địa lí của Việt Nam từ thời phong kiến.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, ngày 25/03/1948, chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí sắc lệnh 148SL bãi bỏ các cấp phủ, châu, quận trong các cấp hành chính, trên cấp xã là cấp huyện. Thống nhất các cấp đợn vị hành chính trung ương, tỉnh, huyện, xã. Ngày 1/07/1956, chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh 286SL, thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Thị xã Thái Nguyên và các huyện Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ, Võ Nhai là các địa phương thuộc Khu tự trị Việt Bắc, huyện Phú Bình được sát nhập về tỉnh Bắc Giang, huyện Phổ Yên sát nhập vào tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 15/06/1957, hai huyện trên lại được sát nhập trở lại tỉnh Thái Nguyên. Ngày 21/04/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa ra nghị quyết số 103 - NQTVQH chính thức thành lập tỉnh Bắc Thái trên cơ sở hợp nhất tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, Phú Bình trở thành 1 trong 13 huyện của tỉnh Bắc Thái.

Ngày 6/11/1996, trong kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra Nghị quyết tách tỉnh Bắc Thái để tái

lập hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Từ đó, huyện Phú Bình thuộc tỉnh Thái Nguyên. Toàn huyện có 20 xã, 1 thị trấn, gồm 311 xóm và 4 tổ dân phố, các xã của huyện là thị trấn Hương Sơn, xã Đồng Liên, Bàn Đạt, Đào Xá, Thượng Đình, Điềm Thụy, Nhã Lộng, Bảo Lý, Tân Khánh, Tân Kim, Tân Thành, Tân Hòa, Tân Đức, Lương Phú, Dương Thành, Thanh Ninh, Kha Sơn, Xuân Phương, Úc Kỳ, Nga My, Hà Châu.

Lịch sử truyền thống

Phú Bình đã có lịch sử lâu đời về truyền thống yêu nước, đoàn kết sâu sắc chống ngoại xâm. Ngày 17/3/1884, khi thực dân Pháp đặt chân đến Đức Lân, Phương Độ nhân dân nơi đây đã cùng nhau đánh Pháp. Khi khởi nghĩa Yên Thế bùng nổ, nhân dân nơi đây cũng tham gia hưởng ứng nhiệt tình khởi nghĩa Yên Thế.

Trong những năm 1938 - 1940, những thanh niên giàu lòng yêu nước của xã Kha Sơn Hạ, huyện Phú Bình đã tìm đến chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa cách mạng. Năm 1941, Hội Nông dân phản đế, Hội Phụ nữ phản đế đầu tiên của huyện được thành lập ở Kha Sơn Hạ sau đó lan rộng ra các làng xung quanh. Cuối năm 1941, các Hội phản đế ở Phú Bình được đổi tên thành Mặt Trận Việt Minh, đến năm 1943, Mặt Trận Việt Minh đã mở rộng các cơ sở của mình ra toàn huyện. Năm 1942, Phú Bình cùng với huyện Phổ Yên và huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang được trung ương chọn làm An toàn khu II gọi tắt là ATKII.

Tháng 3/1943, chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên ở Phú Bình được thành lập ở xã Kha Sơn Hạ, đến tháng 2/1944 chi bộ Đảng ở Kha Sơn Thượng ra đời và đến tháng 7/1945, Ban cán sự Đảng bộ huyện Phú Bình chính thức được thành lập. Ngày 9/3/1945, nắm được thời cơ Nhật đảo chính Pháp, chi bộ Đảng ở xã Kha Sơn Thượng, Kha Sơn Hạ đã phát động nhân dân trong toàn xã nổi dậy giành chính quyền thắng lợi. Từ đó, liên tiếp các xã trong huyện nổi dậy giành chính quyền thành công, đến cuối tháng 8 năm 1954 về cơ bản các xã trong huyện chính quyền về tay quần chúng nhân dân.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân Phú Bình đã góp phần lớn vào đập tan chiến dịch *"Hải cẩu"* tấn công lên Việt Bắc của hơn 3000 tên thực dân. Trong chiến dịch này, quân và dân Phú Bình đã tiêu diệt hơn 1000 tên địch bắn cháy 4 ca nô trên sông Cầu và làm chậm bước tiến của thực dân Pháp lên chiến khu Việt Bắc [1, tr.96].

Trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, Phú Bình đã động viên được hàng nghìn thanh niên tòng quân, dân quân du kích, dân công.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Phú Bình đã động viên được 6.274 nam nữ thanh niên tham gia vào bộ đội, hơn 500 đoàn viên tham gia vào đội thanh niên xung phong [1,tr.246] nhiều chiến sĩ đa giành những chiến công xuất sắc, tiêu biểu là Anh hùng Phạm Thanh Ngân đã bắn rơi 8 máy bay hiện đại của đế quốc Mỹ được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII và được phong hàm Thượng tướng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, quân và dân Phú Bình đã cống hiến về người và của cho chiến trận, hơn 1.200 người hi sinh ngoài mặt trận, có nhiều chiến sĩ hi sinh trên chiến trường Lào và Campuchia. Phú Bình còn đóng góp cho tiền tuyến hàng ngàn tấn thóc, đỗ lạc và lương thực khác.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cùng với quân và dân cả nước ở Phú Bình đã có 11.816 người trực tiếp tham gia cầm súng chiến đấu trên khắp các mặt trận, có 1.340 người đã anh dũng hi sinh, 813 người bị thương có nhiều thương binh hạng nặng , 125 gia dình có công với cách mạng, 36 lão thành cách mạng, 24 bà mẹ được phong tặng danh hiệu "*Bà mẹ Việt Nam anh hùng*".

1.2. Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình trước năm 1986

1.2.1. Thời Pháp thuộc

Đầu thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở các nước phương Tây. Nhằm đáp ứng nhu cầu về thị trường, thuộc địa và nguồn nhân công, chủ nghĩa tư bản đã đẩy mạnh các cuộc xâm lược trên thế giới và khu vực, trong đó có Đông Nam Á. Ở Việt Nam, chế độ phong kiến nhà Nguyễn lâm vào khủng hoảng trầm trọng và trở thành miếng mồi béo bở đối với các nước thực dân.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên tại Đà Nẵng, bắt đầu quá trình xâm lược nước ta. Sau bản hiệp ước năm 1884, Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, và chúng bắt đầu bắt tay vào công cuộc bình định nước ta. "*Ngày 17/3/1884, thực dân Pháp đưa hai đại đội thuộc tiểu đoàn xung kích Angiêri và một trung đội pháo binh từ Bắc Ninh tấn công và đánh chiếm phủ Phú Bình, cửa ngõ phía Đông Nam của thành Thái Nguyên. Đây là đạo quân châu Âu đầu tiên đặt gót chân lên xâm lược đất Phú Bình"* [1, tr.21]. Cùng với phong trào đấu tranh chống lại bọn tư bản Pháp của nhân dân cả nước, nhân dân Phú Bình đã anh dũng đấu tranh, dấy lên một phong trào chống Pháp sôi nổi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Yên Thế kéo dài tới 30 năm đã có sự tham gia tích cực của nhân dân Phú Bình.

Năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu công cuộc thiết lập bộ máy cai trị và tay sai từ trung ương đến địa phương, tiến hành vơ vét tài nguyên thiên nhiên và bóc lột nhân dân ta. Cùng với những chính sách áp bức, bóc lột về kinh tế, xã hội, chính quyền thực dân còn thực hiện chính sách "*Ngu dân"*.

Tháng 3/1899, Thống sứ Bắc Kì viết báo cáo gửi Toàn Quyền Đông Dương: "*Kinh nghiệm của các dân tộc châu Âu khác đã chỉ ra rằng: Việc truyền bá một nền học vấn đầy đủ cho người bản xứ là hết sức dại dột"*[64, tr.183]. Thực dân Pháp cho hủy bỏ chế độ giáo dục Nho học và thi cử phong kiến, thiết lập hệ thống giáo dục Pháp - Việt, đưa ngôn ngữ Pháp và những kiến thức sơ đẳng về khoa học vào chương trình đào tạo và thi cử.

Năm 1919, thực dân Pháp cho chấm dứt việc thi chữ Hán theo kiểu phong kiến, thay vào đó toàn quyền Đông Dương Anbe Xaro cho thực hiện đào tạo đội ngũ tri thức mới, thay thế cho tầng lớp trí thức Nho học đã cũ kĩ, lỗi thời. Các trường tiểu học được mở tại huyện và phủ của mỗi tỉnh, sẽ hoạt động bằng ngân sách của tỉnh lị. Các trường bậc trung học được mở tại các tỉnh lị, trường trung học được mở ở Hà Nội và Sài Gòn.

Hệ thống các trường học phổ thông dưới thời Pháp thuộc được chia làm ba bậc học. Bậc tiểu học gồm 6 năm, bậc cao đẳng tiểu học là bậc trung học cơ

sở hiện nay gồm 4 năm, bậc trung học là 3 năm với 2 hệ thống giáo dục là trường Pháp và trường Pháp bản xứ. Hệ thống chữ Quốc ngữ đã được đưa vào bậc tiểu học giúp học sinh nhanh biết đọc và ghi nhớ hơn hệ thống chữ trước đó. Hàng năm, Nha Học chính tổ chức kì thi tốt nghiệp cho các lớp cuối cấp. Học sinh đỗ ở các bậc sơ học được cấp bằng Sơ học yếu lược, còn thi đỗ ở bậc tiểu học được cấp bằng Tiểu học Pháp - Việt. Sau khi đỗ ở bậc sơ học thì học sinh được kiểm tra sát hạch vào các trường tiểu học, học sinh có thể thi vào các trường cao đẳng tiểu học.

Ở Phú Bình lúc bấy giờ chúng chỉ mở 2 trường học: Một là trường sơ cấp (từ lớp 1 đến lớp 3) ở Phương Độ và một trường sơ học bán cấp (từ lớp 1 đến lớp 2) ở Hà Châu, chủ yếu mục đích của chúng nhằm đào tạo thông ngôn, tùy phái, các viên chức nhỏ phục vụ bộ máy cai trị thực dân, phong kiến. Chỉ có con em của địa chủ, hào lý, gia đình khá giả mới có điều kiện học hành, do vậy có tới 95% dân số ở Phú Bình bị mù chữ [1, tr.16].

1.2.2 Thời kì từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1985

Giai đoạn 1945 - 1954.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra đời, nhân dân ta phấn khởi bước vào một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên của độc lập tự do, chủ đất nước. Hòa chung niềm vui ấy, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình vô cùng phấn khởi, chung tay góp sức cùng với Đảng và nhân dân cả nước xây dựng đất nước Việt Nam độc lập, tự do. Tuy nhiên, chính quyền cách mạng non trẻ mới được thành lập đang đứng trước muôn vàn những nguy cơ, thử thách, những khó khăn về kinh tế và xã hội.

Với nền kinh tế thuần nông nghèo nàn, lạc hâu, lại bị kiệt quệ hết sức nặng nề do chính sách vơ vét, bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Thêm vào đó, trận lụt lớn xảy ra trong tháng 8/1945 và nạn hạn hán kéo dài tiếp theo đã làm cho phần lớn diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị bỏ hoang, ngân

khố cạn kiệt, cả tỉnh Thái Nguyên lúc bấy giờ chỉ còn vẻn vẹn lại 20.000 đồng Đông Dương [1, tr.63]. Nạn đói mới có nguy cơ xuất hiện đe doạ toàn bộ đời sống của nhân dân trong huyện. Chung tay giải quyết những khó khăn trước mắt cùng nhân dân cả nước, nhân dân và chính quyền trong toàn huyện đã tích cực tham gia cuộc vận động diệt giặc đói bằng nhiều biện pháp như tổ chức *"Ngày đồng tâm", "Hũ gạo tiết kiệm"....* Với những cố gắng nỗ lực của nhân dân toàn huyện và sự chỉ đạo kịp thời của Đảng và chính quyền, nạn đói cơ bản được đẩy lùi.

Hậu quả của chính sách *"Ngu dân"* đã làm cho hơn 90% dân số nước ta không biết chữ, hơn thế với tình trạng "*Ngàn cân treo sợi tóc*" lúc bấy giờ ngay trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách của dân tộc là diệt "*giặc đói*", "*giặc dốt*". Người chỉ rõ: *"Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ* [29, tr.26].

Để xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, một tuần lễ ngay sau ngày tuyên bố nước ta độc lập, ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí ngay sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ. Cũng trong tháng 9, Người viết thư cho các cháu học sinh nhân năm học đầu tiên dưới chế độ mới: "*Non sông Viêt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu"*[28, tr.33].

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, Đảng bộ huyện Phú Bình đã tích cực chung tay diệt *"giặc dốt".* Một số cán bộ được phái xuống tận các thôn, xóm để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các lớp bình dân học vụ xóa nạn mù chữ, nhiều lớp bình dân học vụ được mở tại các xã, lôi cuốn đông đảo bà con nhân dân tham gia, các lớp bình dân học vụ chủ yếu được mở tại các đình, đền, chùa, miếu để tiện cho nhân dân tham gia. Trong các làng, xã đều dấy lên

phong trào thi đua "*thắp đèn thâu đêm để học chữ quốc ngữ*". Toàn dân dấy lên phong trào "*diệt giặc dốt",* khắp nơi trong huyện dấy lên phong trào "*Toàn dân quyết tâm thanh toán nạn mù chữ*" thu hút đông đảo nhiều tầng lớp, nhiều lứa tuổi tham gia.

Sau hơn một năm, từ tháng 9/1945 đến cuối năm 1946, hàng nghìn người dân Phú Bình đã thoát khỏi nạn mù chữ, hàng trăm cán bộ cơ sở từ chỗ chưa biết đọc, biết viết nay đã đọc thông viết thạo, tích cực tham gia công tác kháng chiến, kiến quốc [1, tr.65]. Các tệ nạn xã hội do chế độ thực dân, phong kiến để lại cũng từng bước bị đẩy lùi. Đời sống mới được nhân dân trong toàn huyện tích cực hưởng ứng. Đến giữa năm 1948, trong toàn huyện mở được 231 lớp học bình dân học vụ, với tổng số 3.432 học viên và 231 giáo viên [1, tr.96]. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn mở được trường TH. Cũng trong thời gian này, Trường Phổ thông cấp III Lương Ngọc Quyến từ Cù Vân (Đại Từ) sơ tán về xã Phương Độ. Năm 1950, trường phổ thông cấp III Hàn Thuyên (Bắc Ninh), cũng chuyển về địa bàn huyện, điều này đã tạo điều kiện cho con em nhân dân trong địa bàn huyện tham gia học tập. Nhờ những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân, đến cuối năm 1949, Phú Bình đã trở thành một trong hai huyện đầu tiên của Thái Nguyên thanh toán nạn mù chữ.

Sang đến năm 1950, phong trào tự học trong nhân dân toàn huyện được diễn ra sôi nổi. Đặc biệt ở xã Thượng Đình, trong khắp các xóm, thôn đều có những nhóm học tập, sinh hoạt rất đều và mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, phong trào Bình dân học vụ cũng gặp phải nhiều khó khăn do thiếu sách vở, tài liệu cho học sinh và giáo viên, đặc biệt ở một số xã vùng sâu xa như Tân Khánh, Tân Kim, Tân Thành [1, tr.97].

Tháng 7/1954, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ giành thắng lợi và hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết đã kết thúc 9 năm kháng chiến chống Pháp trường kì, đầy khó khăn gian khổ của dân tộc ta. Miền Bắc được giải phóng hoàn toàn, ở Miền Nam đế quốc Mỹ thay chân Pháp vào thống trị. Trước tình hình đó, Hội

nghị Bộ chính trị Trung ương Đảng tháng 9/1954 đã đề ra đường lối và những nhiệm vụ cách mạng mới: Đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại hiệp định, gìn giữ hòa bình; ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam; nhằm củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân miền Bắc là phải hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế và tiến hành cải cách ruộng đất. Đó cũng là nhiệm vụ cơ bản còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, ổn định đời sống nhân dân, tích cực chuẩn bị thêm những điều kiện cần thiết để đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và những năm sau này.

Thực hiện chủ trương của Đảng, từ năm 1950 Phú Bình đẩy mạnh triển khai cải cách giáo dục. Bộ máy làm công tác giáo dục ở tỉnh được kiện toàn, Ty Tiểu học vụ được đổi thành Ty Giáo dục phổ thông, Ty Bình dân học vụ được đổi thành Ty Bổ túc văn hóa. Nhiều cán bộ có năng lực được tăng cường cho cơ quan quản lý. Hệ thống tổ chức bộ máy giáo dục ở các cấp địa phương được tăng cường, kiện toàn và đi vào hoạt động có nề nếp. Nhờ có sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, sự giúp đỡ của các cơ quan chuyên môn, phần lớn các xã trong huyện đều đã có trường tiểu học, số lượng học sinh và giáo viên đều tăng.

Phát huy kết quả của năm đầu tiến hành cải cách giáo dục, những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, các ngành giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa của huyện không ngừng phấn đấu vươn lên. Từ 1953 đến 1955, Phú Bình đã tiếp nhận nhiều thương binh trở về ngành giáo dục. Thời gian này, hệ thống giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa của huyện Phú Bình đã đạt được những thành tựu đáng kể. Riêng về bổ túc văn hóa, trung bình mỗi xã của huyện mở được từ 8 đến 12 lớp, toàn huyện mở được trên 110 lớp, với hàng nghìn học viên, trong đó có một số lớp có học viên là cán bộ xã [1, tr.108]

Qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945 - 7/1954) Đảng bộ huyện Phú Bình đã thực hiện tốt công tác tổ chức và lãnh đạo quần chúng nhân dân kháng chiến dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam, quân và dân Phú Bình chúng tay với nhân dân cả nước hoàn thành tốt nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc, xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện cho tiền tuyến góp phần làm nên nhiều thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử buộc Pháp phải kí kết hiệp định Giơnevơ, cam kết công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ba nước Đông Dương. Hòa bình được lặp lại trên miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân Phú Bình chung tay với nhân dân miền bắc tiến vào thời kì mới xây dựng chủ nghĩa xã hội làm hậu phương vững chắc cho miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà.

Giai đoạn 1955 - 1975

Cũng như những địa phương khác trong cả nước, sau khi hiệp định Giơnevơ được kí kết, huyện Phú Bình cũng đứng trước rất nhiều những khó khăn thách thức. Trong kháng chiến, Phú Bình giáp ranh với vùng địch tạm chiếm, nên thường xuyên bị kẻ thù tìm cách chống phá. Chúng tung gián điệp vào hoạt động do thám, phao tin đồn nhảm, gây hoang mang trong lòng dân. Chúng còn cho máy bay ném bom bắn phá làm hư hại nhiều công trình, cầu cống, đường sá như đập thác Huống gây khó khăn cho hoạt động giao thông và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, trình độ và kĩ thuật canh tác nông nghiệp của nhân dân còn nhiều hạn chế làm cho năng suất thấp, tình trạng thiếu ăn còn xảy ra phổ biến nhất là vào thời kì giáp hạt. Đến đầu tháng 8 năm 1955 toàn huyện có tới 788 gia đình gồm 2.788 nhân khẩu trong đó có trên 43.100 nhân khẩu lâm vào tình trạng thiếu ăn [1, tr.114]. Bên cạnh những khó khăn về kinh tế, tình hình chính trị cũng gặp nhiều bất ổn. Một số phần tử đội lốt tôn giáo hoạt động tuyên truyền, dụ dỗ, cưỡng bức đồng bào tôn giáo di dân vào Nam. Chúng tung ra luận điệu khi vào Nam mỗi gia dình sẽ được cấp 1 con trâu và 5 mẫu ruộng, chúng còn đe dọa "*Sau khi hết thời hạn di cư, Mỹ sẽ dùng*

bom nguyên tử ném xuống miền Bắc" [1, tr.114] làm cho không ít gia đình vội vã bỏ lại nhà cửa để di cư vào Nam, gây nhiều khó khăn cho công tác giữ gìn trật tự xã hội trên địa bàn huyện. Trong khi đó, lực lượng cán bộ lãnh đạo lại quá thiếu thốn. Ban Huyện ủy chỉ có 7 cán bộ trong biên chế, lực lượng cán bộ giúp việc cho Huyện ủy cũng rất ngắn, gây nhiều khó khăn cho công tác nắm vững tình hình địa phương, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ. Trình độ dân trí còn thấp, có một số tập tục lạc hậu vẫn chưa được xóa bỏ, các hoạt động y tế chăm sóc người bệnh còn nhiều hạn chế do thiếu trang thiết bị y tế, thuốc men, nhiều dịch bệnh không kiểm soát nổi và thường xuyên xảy ra như dịch đau mắt đỏ, đậu mùa, sốt rét.

Những khó khăn về kinh tế và xã hội đặt ra yêu cầu bức thiết cho Đảng bộ và các cấp chính quyền trong huyện là phải lãnh đạo toàn dân khắc phục những hậu quả của chiến tranh, phát triển kinh tế văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân, trước hết là phải hoàn thành cải cách ruộng đất mang lại ruộng đất cho người dân.

Nghị quyết Hội Nghị Trung ương lần thứ 10 (9/1956) nêu rõ: "*kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được*" [1, tr.117]. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện hội nghị mở rộng để xây dựng chương trình và kế hoạch sửa sai. Trong thời gian đó địa, giới hành chính của huyện có sự thay đổi, Phú Bình được cắt về tỉnh Bắc Giang, đến ngày 6/7/1957 lại được chuyển về tỉnh Thái Nguyên. Xuất phát từ đặc điểm này làm cho công tác sửa sai ở Phú Bình gặp nhiều chậm trễ. Tuy nhiên Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên và Đảng bộ huyện Phú Bình đã kịp thời lãnh đạo nhân dân hoàn thành công tác sửa sai, ổn định và khôi phục kinh tế giải quyết nạn đói trước mắt, hàn gắn vết thương chiến tranh trên địa bàn huyện.

Sau khi hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khôi phục kinh tế, từ năm 1958 Đảng bộ Phú Bình tiếp tục lãnh đạo nhân dân bắt tay vào nhiệm vụ mới. Thực

hiện chỉ thị số 07 của Ban Chấp Hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên *"Về việc xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh phát triển tổ đổi công, phát triển sản xuất, chuẩn bị cho việc mở rộng hợp tác xã sau này"*[1, tr.121] Huyện ủy, Uỷ ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, hướng dẫn nông dân đi dần vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa.

Cùng với đó, ngành giáo dục của huyện cũng được chú trọng và phát triển hơn. Với phương châm văn hóa phải theo sát chính trị, nhà trường phải gắn liền với đời sống thực tế xã hội. Số lượng học sinh các cấp đều tăng nhanh. Chất lượng giảng dạy và học tập trong các trường học cũng được nâng cao. Trong năm học 1959 - 1960, số học sinh thi tốt nghiệp lớp 7 đạt 95%, tốt nghiệp lớp 4 đạt 79,33%. Sang học kỳ I năm học 1960 - 1961 chất lượng học sinh các lớp đạt yêu cầu từ trung bình trở lên là 92,43% [1, tr.129]. Hàng năm, huyện đều tổ chức các lớp học tập chính trị để nâng cao trình độ nhận thức về tình hình và nhiệm vụ cách mạng cho các thầy cô giáo. Trong các nhà trường phổ thông, ngoài công tác giảng dạy và học tập văn hóa, thầy và trò đều tham gia lao động sản xuất, tổ chức giúp bà con nông dân làm phân xanh, trừ sâu cắn lúa. Xã Đồng Liên còn thành lập ban khuyến học và có nhiều hành động thiết thực, gây ảnh hưởng tốt đến các xã khác [1, tr.130].

Bên cạnh những tiến bộ đạt được, sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng có lúc và có những nơi còn thiếu chặt chẽ. Ngành giáo dục còn chưa được quan tâm đúng mức, tình trạng thiếu bàn ghế, thiếu đồ dùng và phương tiện giảng dạy, học tập trong các nhà trường còn khác phổ biến, số trường lớp dột nát xiêu vẹo còn chiếm tỉ lệ cao. Những khó khăn này đã ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức dạy và học của giáo viên và học sinh. Các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa không duy trì vững chắc. Số học viên tham gia học tập không đều. Tuy vậy, đến năm 1960 về cơ bản Phú Bình là 1 trong 5 huyện, thị của tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ toàn dân [1, tr.130].

Sang đến thời kì tiếp tục phát triển kinh tế văn hóa và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khu tự trị Việt Bắc lần thứ II, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI ra nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa trong thời kì thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ I (1961-1965): *" Ra sức phát triển văn hóa, đào tạo cán bộ cho phong trào hợp tác hóa và công nhân biết nghề..."*[1, tr.145]. Trong 2 năm đầu 1961 - 1962 trình độ văn hóa của đội ngũ cán bộ và nhân dân tuy đã được nâng lên, nhưng nhìn chung cũng chỉ mới ở mức thoát nạn mù chữ và cấp I, cấp II phổ thông nên còn hạn chế trong việc tiếp thu những tiến bộ khoa học kĩ thuật vào trong sản xuất. Sang đến năm 1963 - 1964 toàn huyện đã có 1 trường THPT Phú Bình, số trường phổ thông cấp II được mở rộng ra nhiều xã và hầu hết các xã đều có trường phổ thông cấp I. Hàng năm, đội ngũ giáo viên các cấp học đều được bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Ý thức trách nhiệm và lương tâm đối với nghề dạy học trong bản thân các thầy cô giáo cũng được nâng lên. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục chưa cao, công tác bổ túc văn hóa còn yếu.

Bước sang giai đoạn từ năm 1965 - 1975, hoàn cảnh đất nước có nhiều thay đổi, đế quốc Mĩ và tay sai ngày càng tăng cường lực lượng, mở rộng phạm vi chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, cục diện cách mạng cả nước đang có nhiều diễn biến phức tạp. Trong tình hình mới, các nghị quyết lần thứ 11(3/1965) và lần thứ 12 (12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III chỉ rõ: " *Miền Bắc là hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn; phải kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kì tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước*.."[1, tr.174].

Tại Thái Nguyên, năm 1965, giặc Mỹ liên tiếp cho máy bay tiến hành các hoạt động trinh sát trên vùng trời các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ,

Võ Nhai. Ngày 8/07/1965, Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc *Thái ra "Chỉ thị về các biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân" chia địa bàn tỉnh làm 2 vùng: Vùng ở trạng thái bị uy hiếp và Vùng ở trạng thái phòng thủ. Phú Bình nằm trong Vùng trạng thái bị uy hiếp. Trước tình hình đó, Huyện ủy Phú Bình đã họp và ra nghị quyết xác định: "Tổ chức phòng, tránh địch cũng rất quan trọng trong công tác phòng không sơ tán. Lãnh đạo bảo vệ được người, của cải của nhân dân và của nhà nước, giảm được sự thiệt hại đến mức thấp nhất khi bị máy bay địch phá là nhiệm vụ trọng yếu"* [1, tr174].

Thực hiện nhiệm vụ của Huyện uỷ đề ra, đến trước ngày bị máy bay địch bắn phá vào Thái Nguyên, các cơ quan đơn vị và nhân dân trên địa bàn huyện đã đào được 15.000 hầm phòng tránh, riêng gần trường học, nhà kho, bệnh viện, đào được nhiều hầm hơn. Do làm tốt công tác phòng không cho nhân dân nên Phú Bình đã giảm thiểu được tối đa những thiệt hại về người và của.

Trong tình hình chiến tranh, sơ tán, ngành giáo dục Phú Bình vẫn phát triển. Năm học 1966 - 1967, trên toàn huyện có 33 trường phổ thông từ cấp I đến cấp III với 262 lớp học, 10.826 học sinh và 278 giáo viên, trung bình cứ 6 người dân trong huyện có 1 người đi học. Kết quả thi chuyển lớp, chuyển cấp ở các trường phổ thông đạt tỉ lệ từ 64% đến 98% đạt yêu cầu trở lên, tăng từ 6% đến 13% so với các năm học trước. Toàn huyện có 2.257 học viên theo học các lớp bổ túc văn hóa, tăng 20% so với năm 1966 [1, tr.186]. Các xã Tân Thành, Dương Thành, Thanh Ninh, Tân Khánh là những đơn vị dẫn đầu trong phong trào bổ túc văn hóa của huyện, xã Tân Thành đã được chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba. Các phong trào dạy tốt học tốt được đẩy mạnh. Bên cạnh giáo dục về kiến thức văn hóa, nhà trường luôn luôn giáo dục các em về tinh thần yêu nước, yêu quê hương, yêu lao động, quý trọng nhân dân, căm thù giặc. Lấy những tấm gương chiến đấu dũng cảm của các chiến sĩ ngoài mặt trận, gương hy sinh cứu bạn, các tấm gương lao động ở công trường, ngoài đồng ruộng… để giáo dục học sinh về tinh thần yêu nước, tinh thần dũng

cảm hy sinh, ý thức lao động sản xuất. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các hoạt động khác như tổ chức cho các em trực tiếp đến các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, những gia đình có người thân đi chiến đấu ngoài chiến trường, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội, làm nhà, làm ruộng, làm vườn… cho các em học sinh giúp các mẹ, viết hàng ngàn bức thư gửi ra chiến trường động viên các cha, anh chiến đấu. Nhiều học sinh sau khi rời ghế nhà trường đã hăng hái làm đơn tình nguyện lên đường vào Nam đánh Mĩ. Các nhà trường (chủ yếu là học sinh trường cấp II và cấp III) còn phối hợp tốt với huyện Đoàn thanh niên có nhiều chủ trương, biện pháp giáo dục tốt với thanh thiếu niên, nhi đồng như: phát động chủ đề "*Vì miền nam ruột thịt, chúng em nguyện làm người chiến sĩ nhỏ thắng Mĩ*"; phong trào thi đua "*làm nghìn việc tốt*", hàng trăm hợp tác xã măng non, tổ chăm sóc trâu bò; tổ chức tham gia vào lao động sản xuất nông nghiệp ở nhiều địa phương. Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng công tác giáo dục vẫn được quan tâm và đẩy mạnh. Đến năm học 1968 - 1969 ở các trường phổ thông tăng 18 lớp với 1000 học sinh so với năm học 1967 - 1968, cấp I tăng 12 lớp với 650 học sinh, cấp II tăng 4 lớp với 250 học sinh, cấp III tăng 2 lớp với 100 học sinh. Tổng số trên toàn huyện có 387 lớp và 16.254 học sinh phổ thông. Năm học 1969 - 1970, toàn huyện có 22 trường phổ thông cấp 1, với 281 lớp, 12.036 học sinh và 315 giáo viên; 11 trường phổ thông cấp 2 với 94 lớp và 4.410 học sinh và 139 giáo viên; 1 trường trung học phổ thông với 15 lớp 695 học sinh và 31 cán bộ giáo viên [1, tr.215].

Giáo dục bổ túc văn hóa và mẫu giáo tiếp tục phát triển. Năm học 1968 - 1969, toàn huyện có 73 lớp bổ túc văn hóa, 2.201 học viên, sang đến năm 1969 - 1970 tăng thêm 4 lớp. Năm 1970, Phòng giáo dục huyện tổ chức thành lập Trường thanh niên vừa học vừa làm gồm 1 lớp cấp I với 19 học sinh và 2 lớp cấp II với 41 học sinh. Giáo dục mẫu giáo cũng có bước phát triển. Số lớp và số học sinh mẫu giáo tăng từ 162 lớp với 5000 cháu năm 1968 lên 178 lớp và 5928 cháu năm 1969. Sang năm 1970 tăng 10% số lớp và tăng 15% số học sinh [1, tr.215]. Tuy nhiên,

xuất phát từ nhiều khó khăn do thiếu thốn điều kiện cơ sở vật chất nên chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên còn yếu, cơ sở vật chất kĩ thuật đảm bảo cho việc dạy và học còn ít. Vì thiếu giáo viên nên nhiều cháu trong độ tuổi đi học còn chưa được đến trường. Có trường, lớp thầy cô giáo còn lợi dụng lao động của học sinh để làm cho cá nhân mình. Chất lượng giáo dục phổ thông năm học 1969 - 1970 só với năm học trước, tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp cấp I giảm 16%, cấp II giảm 33%, cấp III giảm 17,2% [1, tr.216].

Năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi vẻ vang, mở ra một kỷ nguyên mới của cách mạng Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Giai đoạn 1976 - 1985

Đây là giai đoạn đất nước hòa bình, đi đến thống nhất, ổn định để khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đi lên chủ nghĩa xã hội. Mặc dù còn nhiều khó khăn, phức tạp nhưng đây là thời kỳ thuận lợi nhất để các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân tập trung vào phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội. Vì vậy, nền giáo dục nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Tháng 9/1975, Hội nghị 24 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa IV đã đề ra nhiệm vụ của ngành Giáo dục trong tình hình mới: *"Miền Bắc có nhiệm vụ đẩy mạnh phong trào thi đua "Hai tốt", nâng cao giáo dục toàn diện, tích cực ủng hộ cách mạng miền Nam. Miền Nam cần nhanh tróng xóa bỏ tàn dư của nền giáo dục cũ, xây dựng nền giáo dục mới, nâng cao giác ngộ chính trị cho giáo viên và học sinh, xây dựng tổ chức quản lý ngành"* [31, tr.89].

Ở Phú Bình, công tác giáo dục tuy còn nhiều khó khăn về trường lớp, bàn ghế, nhưng được các cấp uỷ đảng, chính quyền từ huyện xuống xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các thầy cô giáo khắc phục những khó khăn, phụ huynh học sinh tích cực đóng góp xây dựng, nên vẫn được giữ vững và phát triển.

Sang đến năm 1975 - 1976, ngành giáo dục phổ thông huyện có nhiều cố gắng để khắc phục những khó khăn còn tồn đọng như thiếu thốn trường lớp, phương tiện giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh, bảo đảm được những điều kiện cần thiết tối thiểu cho trên 23.000 học sinh theo các cấp học. Tiếp tục thực hiện thi đua phong trào *" Hai tốt "*, chất lượng giáo dục được giữ vững, tỉ lệ học sinh thi chuyển lớp, chuyển cấp đạt từ 80% trở lên [1, tr.237]. Tuy vậy, phong trào bổ túc phát triển yếu. Năm 1976, toàn huyện chỉ còn 270 học viên theo học chương trình bổ túc văn hóa cấp I và cấp II. Do nguồn kinh phí hạn chế, việc mua sắm trang thiết bị để phục vụ cho học tập và giảng dạy cho giáo viên mẫu giáo còn nhiều thiếu thốn nên toàn huyện chỉ có khoảng 10% số cháu trong độ tuổi được đến lớp. Sang đến năm học 1977 - 1978, toàn huyện đã có 24.047 học sinh từ mẫu giáo đến cấp III, bình quân 3,2 người dân thì có 1 người đi học. Năm học 1978 - 1979, số học sinh tăng thêm 5% so với năm học trước [1, tr.271]. Năm 1979, huyện đã phát động phong trào toàn dân xây dựng trường sở đạt kết quả cao, căn bản đã đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, dụng cụ học tập phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Phong trào thi đua *"Hai tốt "* tiếp tục được duy trì. Phương châm giáo dục *"Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hộ*i" được chú trọng hơn. Các thầy, cô giáo thường xuyên được bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được những yêu cầu, nhiệm vụ cải cách giáo dục. Chất lượng giáo dục có chuyển biến rõ rệt. Năm học 1978 - 1979, toàn huyện đã chọn được 6 học sinh dự thi học sinh giỏi toán cấp quốc gia. Phong trào thể dục thể thao rèn luyện thể chất cho học sinh được chú trọng hơn. Ngành giáo dục là một trong những đơn vị dẫn đầu đại hội thể dục - thể thao huyện tổ chức năm 1979. Hưởng ứng phong trào tập bơi, tổ chức hội thi bơi trong học sinh do trung ương Đoàn và Tổng cục thể thao phát động, 3 đơn vị Tân Khánh, Đào Xá, Tân Đức đạt được kết quả cao của hội dồng thể dục thể thao tỉnh [1, tr.272].

Phong trào bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì. Toàn huyện tổ chức được 66 lớp bổ túc văn hóa từ cấp I đến cấp III, thu hút 586 học viên theo học. Các xã Bàn Đạt, Tân Khánh, Tân Đức, Tân Hòa, Thanh Ninh, Lương Phú có phong trào bổ túc văn hóa khá. Hai xã Bàn Đạt và Tân Khánh mở được 5 lớp xóa mù chữ cho 45 học viên dân tộc Tày và Sán Dìu. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được, ngành giáo dục phổ thông huyện vẫn còn tồn đọng nhiều khó khăn chưa khắc phục được như cơ sở vật chất trường lớp còn nghèo nàn, lớp học còn dột nát nhiều, giáo viên vẫn còn nhiều khó khăn trong công tác dạy học, việc kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội còn chưa được quan tâm thường xuyên. Do điều kiện giảng dạy và cuộc sống còn nhiều khó khăn nên một số thầy cô giáo nảy sinh những tiêu cực, vi phạm phẩm chất, đạo đức của người giáo viên, tác phong thiếu lành mạnh gây ảnh hưởng xấu đến nhiệm vụ giảng dạy

Sang năm học 1982 - 1983, tổng số học sinh phổ thông các cấp trong toàn huyện lên đến 26.976 em, tăng gần 3.000 học sinh so với năm học 1977 - 1978. Trong đó, học sinh tiểu học và trung học cơ sở có 25.476 em, phổ thông có 1.500 em, chất lượng dạy và học tiếp tục được giữ vững. Riêng mẫu giáo, nhà trẻ, do còn khó khăn về trường lớp và điều kiện cơ sở vật chất nên số cháu trong độ tuổi đến lớp chỉ bằng 50% so với năm 1979 [1, tr.290]. Từ năm 1983 đến năm 1985, Phú Bình đã đầu tư xây dựng mới 41 phòng học, giải quyết dứt điểm tình trạng học 3 ca. chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, số lượng học sinh lên lớp trung bình đạt 89%. Liên tục trong 2 năm học 1983 - 1984 và 1984 - 1985, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp tiểu học cơ sở và trung học cơ sở đạt 100% [1, tr.300].

Tiểu kết chương 1

Phú Bình là một huyện trung du miền núi, có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác và sử dụng hợp lí các tiềm lực sẵn có, Phú Bình sẽ trở thành trong những vùng kinh tế chủ lực của tỉnh Thái Nguyên.

Trước năm 1986, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, giáo dục Phú Bình bước đầu đã hạn chế được nạn mù chữ, xây dựng hệ thống các trường phục vụ cho nhu cầu học tập của nhân dân. Tuy nhiên, do đời sống người dân còn nhiều khó khăn, kinh tế kém phát triển, trình độ dân trí thấp đã ảnh hưởng nhất định đến quy mô và chất lượng giáo dục phổ thông. Mặc dù vậy, những kết quả đạt được bước đầu này được coi là nền tảng để huyện Phú Bình tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục phổ thông trong những giai đoạn tiếp theo.

Chương 2
TÌNH HÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2016

2.1. Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình trong 10 năm đầu thời kì đổi mới (1986 - 1996)

2.1.1. Các yếu tố tác động đến giáo dục phổ thông huyện Phú Bình

Từ những năm 80 đến đầu những năm 90 thế kỉ XX, tình hình kinh tế, chính trị và xã hội trên thế giới có nhiều biến đổi to lớn, sâu sắc. Toàn cầu hóa trở thành xu thế nổi bật, tất yếu chi phối thời đại. Các quốc gia, dân tộc trên thế giới muốn phát triển đều phải mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Cùng với đó, nhiều nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô, Đông Âu lâm vào khủng hoảng trầm trọng, tan rã, sụp đổ, đã gây nên sự đảo lộn lớn trong trật tự thế giới. Mỹ trở thành siêu cường số một thế giới, muốn thiết lập thế đơn cực để chi phối thế giới.

Đầu những năm 80 thế kỉ XX, Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân cơ bản là *"Sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện"* [22, tr. 26]. Trước những biến động của tình hình thế giới và trong nước, Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra lần đầu tiên tại Đại hội VI (12/1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (6/1991), Đại Hội VIII (6/1996), Đại hội IX (4/2001). Đại hội VI của Đảng (12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, bao gồm cả đổi mới về tư duy, đổi mới về tổ chức cán bộ, đổi mới về phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác. Đại hội đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa cách mạng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tạo ra bước đột phá lớn, toàn diện, đem lại luồng sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên xây dựng XHCN.

Tháng 6/1991, Đại hội đại biểu lần thứ VII đã tiếp tục đề ra mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục đào tạo: *"Mục tiêu giáo dục đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có trí thức và năng lực thực hành"* [23, tr. 112]. Trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000 đã xác định: *"Đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng và đạt hiệu quả thiết thực, mở rộng quy mô phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội"* [66, tr. 189]. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (1992), tại chương III, điều 35 ghi rõ*: "Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nhà nước phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"*.

Tháng 6/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nhấn mạnh: Muốn tiến hành được công nghiệp hóa và hiện đại hóa thắng lợi thì phải đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, phát huy được nguồn lực con người, yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững. Nhận thức được vai trò của giáo dục phổ thông, ngay từ khi mới giành chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta đã hình thành hệ thống giáo dục khá hoàn chỉnh và toàn diện. Giáo dục phổ thông nước ta trải qua nhiều thời kì cải cách và tổ chức dạy học theo các mô hình chủ yếu: Hệ giáo dục 9 năm trong kháng chiến chống Pháp; Hệ giáo dục 10 năm trong thời kì kháng chiến chống Mĩ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; Hệ giáo dục 12 năm sau khi đất nước được hòa bình, thống nhất đến nay. Điều 1 trong nghị định 90-CP ngày 24/11/1993 của Chính phủ trong nêu rõ: Cơ cấu khung của hệ thống giáo dục nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm: Giáo dục mầm non: nhà trẻ mẫu giáo; Giáo dục phổ thông: tiểu học, trung học cơ sở, trung học chuyên ban; Giáo dục chuyên nghiệp: trung học chuyên nghiệp, trung học nghề, đào tạo nghề; Giáo dục đại học: Cao đẳng, đại học, sau đại học; Giáo dục thường xuyên.

Luật giáo dục hiện hành cũng chỉ rõ Giáo dục phổ thông bao gồm: Giáo dục Tiểu học được thực hiện trong 5 năm, từ lớp 1 đến lớp 5. Tuổi học sinh bắt đầu vào lớp 1 là 6 tuổi; Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong 4 năm

học, từ lớp 6 đến lớp 9. Học sinh vào lớp 6 phải hoàn thành chương trình Tiểu học, có độ tuổi là 11. Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong 3 năm học, từ lớp 10 đến lớp 12. Học sinh vào lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, có độ tuổi là 15. Mục tiêu của giáo dục phổ thông: giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ và các kĩ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo của bản thân, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham ra xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.1.2. Tình hình giáo dục phổ thông huyện Phú Bình giai đoạn 1986 - 1996

2.1.2.1. Hệ thống trường lớp, học sinh và giáo viên.

Hệ thống trường, lớp.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Dù khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt, học tốt*", với phương châm : "*Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu*", các cấp ủy Đảng, chính quyền huyện Phú Bình luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân. Trong những năm đầu đổi mới, sự nghiệp giáo dục huyện Phú Bình đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào sự phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội (KT-XH).

Nhờ vận dụng một cách linh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng, cùng sự quan tâm sát sao chỉ đạo của các cấp chính quyền sau 10 năm đổi mới, hệ thống trường, lớp của ngành giáo dục phổ thông huyện được tăng lên, đáp ứng tối thiểu nhu cầu về học tập của con em nhân dân trong địa phương.

Năm 1986, trên địa bàn huyện Phú Bình có 21 trường phổ thông cơ sở với 712 lớp học và 01 trường phổ thông trung học với 23 lớp [63, tr.115].

Nhằm khắc phục tình trạng yếu kém về cơ sở vật chất. Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, của Sở GD&ĐT. Hệ thống các trường phổ thông trong huyện đã từng bước được đầu tư xây dựng. Trong 3 năm từ 1993

đến 1995, toàn huyện đã huy động được 3 tỉ đồng trong đó có đến 60% do nhân dân đóng góp, xây dựng được 4.155m2 lớp học, nhà ở cho giáo viên và văn phòng nhà trường, sửa chữa 164 phòng học; đóng thêm 1.830 bộ bàn ghế học sinh và 155 bộ bàn ghế cho giáo viên, mua sắm thêm được nhiều đồ dùng và thiết bị dạy học, căn bản chấm dứt tình trạng học 3 ca kéo dài [1, tr. 311].

Đến năm 1995 có 39 trường TH và THCS. Số lượng trường liên tục phát triển đến năm 1997 trên địa bàn huyện Phú Bình đã có 21 trường TH, 21 trường THCS và 01 trường THPT. Tuy nhiên, số lượng trường và lớp học cấp TH và THCS bước đầu đáp ứng nhu càu học tập của con em nhân dân trong huyện nhưng số lượng trường THPT thì quá ít đòi hỏi các cấp lãnh đạo và quản lí tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để huy động tối đa nguồn lực để mở rộng thêm hệ thống trường THPT phục vụ cho nhu cầu học tập của người dân địa phương.

Chất lượng học sinh.

Những năm đầu đổi mới do tình hình kinh tế trong huyện gặp nhiều khó khăn như mất mùa liên tiếp xảy ra nên tình hình giáo dục của huyện bị ảnh hưởng, chất lượng giáo dục bị giảm sút nhiều học sinh bỏ học. Năm học 1988 - 1989, toàn huyện có 1.500 học sinh trên tổng số 24.939 (6%) học sinh phổ thông bỏ học; chất lượng giáo dục trong các trường phổ thông trên địa bàn huyện giảm xuống, số học sinh lên lớp bình quân hằng năm đạt 78,6%, số học sinh đỗ tốt nghiệp đạt 73% [1, tr.309]

Sang đầu những năm 90, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, tỉ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp bậc TH tăng từ 93,6% năm 1992, lên 97,5% năm 1994; THCS tăng từ 93,7% lên 98,1%. Tuy nhiên chất lượng giáo dục chưa thực chất, giáo viên giỏi và học sinh giỏi còn ít, ngành học mầm non chưa phát triển mạnh. Trong năm học 1993 - 1994, tỉ lệ học sinh giỏi bậc TH và THCS toàn huyện đạt 38,2%, toàn huyện chỉ có 9 học sinh giỏi cấp tỉnh [1, tr. 331].

Trong khi tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua đảm bảo chất lượng dạy và học trong các nhà trường, ngành giáo dục vẫn chưa tìm được giải pháp hữu hiệu ngăn chặn tình trạng học sinh bỏ học. Tính riêng trong năm học 1989 - 1990 và 3 tháng đầu năm học 1990 - 1991, số lượng học sinh cấp tiểu học bỏ học đã lên đến 2.570 em [1, tr. 317]. Tình trạng này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chủ trương nâng cao dân trí và thanh toán nạn mù chữ trên địa bàn huyện.

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí.

Hàng năm, cán bộ quản lý các trường đều được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý do Sở GD&ĐT tổ chức. Công tác quy hoạch nguồn cán bộ quản lý được tiến hành thường xuyên trong các năm học trên cơ sở lựa chọn những cán bộ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, đạt nhiều thành tích trong quá trình công tác, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, chấp hành đúng các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, biết xây dựng khối đoàn kết nội bộ, có khả năng tuyên truyền vận động tốt, nhằm chuẩn bị tốt nguồn kế cận cán bộ quản lý có chất lượng sau này.

Đội ngũ giáo viên chính là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng và sự phát triển của sự nghiệp giáo dục. Nhận thức được tầm quan trọng của người giáo viên trong sự nghiệp GD&ĐT. Các cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh, huyện, Sở GD&ĐT tỉnh Thái Nguyên đã có những chính sách và biện pháp thích hợp để xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên. Thực hiện đầy đủ, kịp thời tất cả những chính sách hiện có đối với giáo viên. Hàng năm, các trường vẫn có chương trình cử giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, phát động 2 đợt thi đua dạy tốt, học tốt chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3. Phong trào "*dạy tốt, học* tốt" được đẩy mạnh. Số lượng giáo viên phổ thông tiếp tục phát triển đến năm 1995 số lượng giáo viên là 1.049 trong đó giáo viên phổ thông trung học là 61 giáo viên [3, tr.115].

2.1.2.2. Các hoạt động giáo dục khác.

Công tác xã hội hóa giáo dục.

Xuất phát từ nhận thức giáo dục là sự nghiệp của toàn dân, công tác xã hội hóa giáo dục là một chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng, tạo điều kiện cho nền giáo dục nước nhà phát triển mạnh mẽ, không ngừng nâng cao trình độ dân trí và bồi dưỡng nguồn nhân tài cho đất nước. Công tác xã hội hóa giáo dục là việc tăng cường tính xã hội của giáo dục, gắn nhà trường với cộng đồng xã hội, để phát huy tối đa vai trò và tạo điều kiện cho giáo dục, khẳng định vai trò thúc đẩy phát triển cộng đồng xã hội, khơi dậy mọi tiềm năng trong xã hội xây dựng và phát triển giáo dục.

Từ những chủ trương và chính sách của Đảng mà công tác xã hội hóa ở Phú Bình đã được quan tâm đúng mức và kịp thời. Trong 3 năm từ 1993 đến 1995, toàn huyện đã huy động được 3 tỉ đồng trong đó có đến 60% do nhân dân đóng góp, xây dựng được 4.155m2 lớp học, nhà ở cho giáo viên và văn phòng nhà trường, sửa chữa 164 phòng học; đóng thêm 1.830 bộ bàn ghế học sinh và 155 bộ bàn ghế cho giáo viên, mua sắm thêm được nhiều đồ dùng và thiết bị dạy học [1, tr. 331]. Các tổ chức như hội khuyến học các xã, thôn, xóm được thành lập kịp thời động viên, khuyến khích các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn và đạt kết quả cao trong học tập.

Công tác đoàn thanh niên, đội thiếu niên trong nhà trường.

Các tổ chức đoàn Thanh niên, Đội thiếu niên trong các trường đều là lực lượng trẻ, nhiệt huyết và có tinh thần trách nhiệm. Phối hợp với huyện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức Đoàn thanh niên, đội thiếu niên trong các nhà trường phổ thông trên địa bàn huyện đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn trong năm như: Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Viết các bài thi tìm hiểu về Pháp luật, về ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam, tổ chức đợt thi đua chào mừng ngày 26/03.

Bên cạnh các hoạt động học tập, Đội thiếu niên, Đoàn thanh niên còn tổ chức vệ sinh khuôn viên trường học, đường làng ngõ xóm, các nghĩa trang liệt sĩ. Ngoài ra, trong năm các Đoàn viên còn tích cực tham gia các cuộc thi cấp huyện như tham gia Hội Khỏe Phù Đổng. Công tác giáo dục thể chất cũng được tổ chức thường xuyên và mang lại hiệu quả cao như tập thể dục giữa giờ, tổ chức các giải thi đấu thể thao như: giải bóng đá, giải bóng chuyền, thi điền kinh, kéo co truyền thống. Tất cả các hoạt động giáo dục và các hoạt động thể dục thể thao đã giúp các đoàn viên thanh niên trên địa bàn tránh xa các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh.

2.2. Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình giai đoạn 1997 - 2016

2.2.1. Các yếu tố tác động đến giáo dục phổ thông huyện Phú Bình

Năm 1996, Đảng tiến hành Đại hội lần thứ VIII và xác định tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục: "*Cùng với khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, phát huy hiệu quả. Phương hướng chung của lĩnh vực giáo dục trong 5 năm tới là phát triển nguồn lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên có việc làm; khắc phục những yếu kém trong giáo dục và đào tạo*" [23, tr. 490-491]. Đảng ta xác định lựa chọn giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ làm *"Khâu đột phá"* của thời kì cách mạng mới. Tháng 12/1996, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 02-NQ/HNTW "*Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*". Hội nghị đã phân tích sâu sắc thực trạng giáo dục và đào tạo, vạch ra những nguyên nhân khách quan, chủ quan. Chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã được Hội nghị đề ra cùng với 6 tư tưởng chỉ đạo:

Một là, nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa

xã hội, có đạo đức trong sáng, có phẩm chất, có năng lực. Nền giáo dục của ta phải đảm bảo được định hướng chủ nghĩa. Chủ trương làm giáo dục và nền giáo dục của ta phải thực hiện được công bằng xã hội, phải phát huy những ảnh hưởng tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường; phải chống khuynh hướng thương mại hóa giáo dục, không truyền bá các giáo lý trong các trường học.

Hai là, giáo dục là quốc sách hàng đầu. Quốc sách hàng đầu phải được thế hiện ở các mặt chính sách, đội ngũ cán bộ và công tác quản lý. Hôi nghị Trung ương đã kiểm điểm rõ trách nhiệm của Bộ Chính trị, của Chính phủ trong việc không chỉ đạo thường xuyên và chưa kịp thời thể chế hóa để thực hiện quốc sách hàng đầu này.

Ba là, giáo dục đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và toàn dân. Đảng và Nhà nước phải *"nắm"* giáo dục. Chúng ta đang phấn đấu xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, một xã hội mà mọi người đều được ấm no, hạnh phúc. Sự nghiệp đó đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải nắm giáo dục. Song giáo dục còn là sự nghiệp của toàn dân. Các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp phải đóng góp để làm giáo dục; các gia đình phải làm giáo dục, phải có môi trường giáo dục tốt. Toàn xã hội phải chăm lo giáo dục. Xã hội hóa giáo dục phải được hiểu đúng nghĩa của nó.

Bốn là, phát triển giáo dục đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển xã hội, những tiến bộ khoa học công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh. Coi trọng cả ba mặt; mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Thực hiện giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, lý luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội.

Năm là, phải thực hiện công bằng trong giáo dục đào tạo. Tạo điều kiện để người nghèo cũng được học hành. Người nghèo được cộng đồng và Nhà nước giúp đỡ để học tập. Bảo đảm điều kiện cho những người học giỏi phát

triển tài năng. Nhân dân đang rất lo lắng về việc học tập, phát triển tài năng của người nghèo.

Sáu là, giữ vai trò nòng cốt của các trường dân lập đi đôi với đa dạng hóa các loại hình GD&ĐT, trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý, từ nội dung chương trình, quy chế học, thi cử, văn bằng, tiêu chuẩn giáo viên. Phát triển các trường bán công, dân lập ở những nơi có điều kiện, từng bước mở các trường tư thục ở một số bậc học như: mầm non, phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đại học. Mở rộng các hình thức đào tạo không tập trung, đào tạo từ xa, từng bước hiện đại hóa hình thức giáo dục. Dù đa dạng hóa đến đâu thì trước hết phải do quản lý Nhà nước tốt và kịp thời.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (22/4/2001) đã ra nghị quyết tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, toàn diện, đổi mới nội dung phương pháp dạy và học, hệ thống trường, lớp và hệ thống giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện *"Chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa"*, đẩy mạnh phong trào tự học của nhân dân, thực hiện *"giáo dục cho mọi người",* cả nước trở thành một xã hội học tập...[23, tr. 109]. Tăng cường ngân sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. Trong khóa IX, Hội nghị Trung ương 6 cũng đã có những quyết định quan trọng về GD&ĐT tiếp tục duy trì và khơi dạy sự quan tâm của toàn xã hội, của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với giáo dục. Quán triệt nghị quyết của Đại hội IX, Bộ GD&ĐT đã xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001 - 2010, cụ thể hóa đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp về giáo dục trong giai đoạn này. Nghị quyết yêu cầu *"Nền giáo dục của nước ta không những phải mở rộng về quy mô, mà phải đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng toàn diện, chất lượng chính trị, chất lượng đạo đức", " Lấy việc triển khai chương trình chính trị và sách giáo khoa mới làm trục chuyển động và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông"* [26, tr.13].

Từ kỳ họp lần thứ VII, Quốc hội khóa XI, Luật Giáo dục lần nữa lại được sửa đổi và thông qua ngày 14/06/2005. Đại hội Đảng lần thứ X (25/4/2006) tiếp tục khẳng định: Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước; "*Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; Thực hiện "Chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa", chấn hưng nền giáo dục Việt Nam*" [23, tr.85]; chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập hệ thống, thông suốt, học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học, xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, tạo khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, đảm bảo sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ ngày 12/1/2011 đến ngày 19/1/2011, đưa ra mục tiêu cụ thể đối với giáo dục phổ thông: *"Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Số sinh viên đạt 450 trên một vạn dân".*[26, tr.6]. Bên cạnh đó, Đại hội còn xác định "*Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời"*[26, tr.7].

Nhìn chung, quan điểm của Đảng đối với giáo dục trong giai đoạn này là đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện của nền giáo dục nước nhà, tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới, khắc phục cách đổi mới chắp vá, thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ.

Những chính sách phát triển kinh tế, xã hội của Đảng ta đã được Đảng bộ huyện Phú Bình vận dụng đúng đắn và kịp thời và linh hoạt, đáp ứng được những biến chuyển của tình hình trong nước nói chung và địa phương huyện Phú Bình nói riêng.

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII, từ ngày 1/1/1997, sau khi tỉnh Thái Nguyên được tái lập, Đảng bộ huyện Phú Bình trở thành đầu mối trực thuộc tỉnh ủy Thái Nguyên. Đảng bộ và nhân các dân tộc Phú Bình có một số thuận lợi cơ bản như Đảng và Nhà Nước đã đề ra nhiều chính sách đầu tư phát triển kinh tế; những tiềm năng thế mạnh về đất đai, nhân lực của huyện đã từng bước được khai thác; cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện có ý thức tiếp thu tiến bộ khoa học kĩ thuật đưa vào sản xuất, an ninh chính trị trên địa bàn ổn định.

Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1986 - 1990) và kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1991 - 1995) và bước đầu đã đạt được một số thành tựu.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế, xã hội cũng còn gặp nhiều khó khăn. Xuất phát từ đặc điểm của một huyện miền núi và trung du, dân số nông nghiệp và nông thôn chiếm tỉ lệ cao, kinh tế nông nghiệp chiếm tỉ trọng 70% trong cơ cấu kinh tế của huyện. Đầu năm 1996, do thời tiết rét đậm và hạn hán kéo dài làm chậm thời vụ gieo cấy làm cho trên 2.000 ha lúa chiêm, xuân bị chết phải cấy lại [1, tr. 345].

Trước những diễn biến trong huyện, Đảng bộ địa phương và các cấp quản lí đã kịp thời đưa ra những chính sách phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo đưa Phú Bình thoát khỏi những khó khăn về mặt kinh tế trước mắt, xây dựng những tiềm lực kinh tế lâu dài và ổn định tình hình xã hội

Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục, Đại Hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XXI được diễn ra từ ngày 25 đến ngày 27/1/1996 nhằm đề ra mục tiêu, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1996 - 2000. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm của huyện ủy và đồng thời chỉ rõ mục tiêu tổng quát trong nhiệm kì 5 năm 1996 - 2000. Đại hội xác định "*Cơ cấu kinh tế của huyện trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 là Nông - Lâm nghiệp và Dịch vụ; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa; khai thác mọi tiềm năng thiên nhiên, sức lao động ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, bồ dưỡng nhân tài*…"[1, tr. 343].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, huyện ủy Phú Bình tiếp tục thực hiện chương trình đổi mới giáo dục phổ thông, thực hiện cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* và các cuộc vận động do Bộ GD&ĐT phát động, tập trung đầu tư xây dựng trường chuẩn, thư viện chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện tốt đề án xây dựng kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008 - 2011 theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời xác định: "*Phát triển giáo dục và đào tạo phải hướng tới mục tiêu nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển kinh tế, xã hội. Thu hẹp khoảng cách chênh lệch về giáo dục và đào tạo huyện Phú Bình với Thành phố Thái Nguyên, cũng như các tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước. Tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục, đào tạo và hiện đại hóa thiết bị dạy học. Đảm bảo về đội ngũ giáo viên có đủ về số lượng, có phẩm chất và trình độ chuyên môn cao. Đến năm 2015, phấn đấu có khoảng 70% số trường đạt chuẩn quốc gia* [65, tr. 9]. Đẩy mạnh thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục, nâng cao chất

lượng giáo dục đào tạo theo hướng thực chất, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tiếp tục triển khai phổ cập giáo dục bậc trung học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đẩy mạnh cuộc vận động "*Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*" gắn với thực hiện cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*". Quan tâm bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cả về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị. Phối hợp tốt môi trường giáo dục: nhà trường - gia đình - xã hội. Tích cực chỉ đạo, huy động các nguồn lực, thực hiện công tác xã hội hóa, xây dựng trường chuẩn quốc gia. Thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo công bằng, dân chủ, khách quan trong thực hiện xét tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục .

Nhìn chung, quan điểm của Đảng đối với giáo dục trong giai đoạn này là đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện của nền giáo dục nước nhà, tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới khắc phục cách đổi mới chắp vá, thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ. Xây dựng nền giáo dục của dân, do dân và vì dân bảo đảm công bằng về cơ hội học tập cho mọi người, tạo điều kiện để toàn xã hội học tập và học tập suốt đời. Đảng bộ huyện Phú Bình đã vận dụng một cách linh hoạt các nghị quyết Đại hội, tập trung chỉ đạo phát triển nền giáo dục huyện nhà, đưa giáo dục phổ thông huyện Phú Bình nhanh chóng phát triển, xóa bỏ những lạc hậu so với các địa phương khác trong tỉnh.

2.2.2. Tình hình giáo dục phổ thông huyện Phú Bình giai đoạn 1997 - 2016

2.2.2.1. Hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất, chất lượng học sinh, giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục

Hệ thống trường, lớp và học sinh

Từ năm 1997 đến năm 2016, quy mô các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông có sự chuyển biến về số lượng và chất lượng giáo dục.

Bảng 2.1: Số lượng trường, lớp, học sinh cấp TH từ năm 1997 đến năm 2016

Năm	Số trường	Số lớp
1997	21	426
1998	21	437
1999	21	428
2000	21	409
2001	21	415
2002	21	437
2003	21	446
2004	21	395
2005	21	367
2006	21	356
2007	21	363
2008	21	365
2009	21	372
2010	21	375
2011	21	382
2012	21	382
2013	21	390
2014	21	391
2015	21	396
2016	22	410

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên từ 1997 đến 2016)

Bảng 2.2. Số lượng trường, lớp, số lượng học sinh cấp THCS từ năm 1997 đến năm 2016

Năm	Số trường	Số lớp
1997	21	325
1998	21	331
1998	21	328
1999	21	330
2000	21	326
2001	21	320
2002	21	324
2003	21	328
2004	21	307
2005	21	289
2006	21	267
2007	21	271
2008	21	261
2009	21	247
2010	21	234
2011	21	227
2012	21	227
2013	21	230
2014	21	230
2015	21	229
2016	21	229

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái nguyên từ 1997 đến 2016)

Bảng 2.3. Số lượng trường, lớp, học sinh cấp THPT từ năm 1997 đến năm 2016

Năm	Số trường	Số lớp
1997	1	64
1998	1	65
1999	1	68
2000	1	70
2001	1	70
2002	2	72
2003	2	74
2004	2	84
2005	2	90
2006	2	94
2007	3	93
2008	3	93
2009	3	97
2010	3	97
2011	3	99
2012	3	99
2013	3	98
2014	3	98
2015	3	98
2016	3	98

(*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 đến 2016)*

Qua 3 bảng số liệu trên, ta có thể thấy từ 1997 đến 2016, tất cả các xã và thị trấn trong huyện đều có ít nhất 01 trường TH và 01 trường trung THCS. Nếu như ở giai đoạn trước, những xã còn chưa có trường TH hay THCS thì đến giai đoạn này, số lượng trường lớp đã phần nào đáp ứng nhu cầu tối thiểu về học tập của con em nhân dân trong vùng. Bên cạnh đó, trước năm 2001 trên địa bàn huyện Phú Bình chỉ có duy nhất trường THPT Phú Bình được thành lập năm 1961. Năm 2002, theo quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 11/03/2002 của

Uỷ Ban Nhân Dân tỉnh Thái Nguyên, trường THPT Lương Phú được thành lập, đón nhận học sinh chủ yếu ở các xã thuộc khu vực phía Nam của huyện Phú Bình. Năm 2007, theo quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 11/09/2007 của Uỷ Ban Nhân Dân tỉnh Thái Nguyên, trường THPT Điềm Thụy, tọa lạc tại xóm Thuần Pháp cũng được thành lập.

Số lượng học sinh từng bậc học qua 20 năm từ 1987-2016 được thể hiện qua bảng sau đây:

Bảng 2.4. Số lượng học sinh các cấp học từ năm 1997 đến năm 2016

Năm	TH	THCS	THPT
1997	11.879	12.350	2.224
1998	12.125	12.578	2.569
1999	11.924	12.464	3.217
2000	11.498	12.540	3.245
2001	11.580	12.388	3.208
2002	12.095	12.174	3.420
2003	12.245	12.312	3.627
2004	11.468	12.418	4.037
2005	11.230	11.674	4.277
2006	10.518	10.982	4.627
2007	10.531	9.455	4,312
2008	10.624	8.997	4.329
2009	10.756	8.575	4.336
2010	10.922	8.261	4.245
2011	10.881	8.327	4.269
2012	10.840	8.268	4.103
2013	11.255	8.186	4.107
2014	12.225	8.513	4.055
2015	12.115	8.395	4018
2016	12.665	8.390	4.116

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên từ 1997 đến 2016)

Qua bảng trên có thể nhận thấy số lượng học sinh trên từng cấp học qua các năm đều có sự biến đổi. Số lượng học sinh TH và THCS đều có xu hướng giảm nhưng không đáng kể. Xu hướng giảm đó đã thể hiện được kết quả của quá trình kế hoạch hóa gia đình tại địa phương. Số lượng học sinh ở cấp THPT có xu hướng tăng nhẹ từ 3.280 học sinh (1997) lên đến 4.116 học sinh (2016) đã cho thấy sự thu hút của các trương phổ thông trong huyện đến những địa phương lân cận, là điều kiện thuận lợi cho học sinh các vùng lân cận theo học.

Chất lượng giáo dục

Trên địa bàn toàn huyện có 21/21 (xã, thị trấn) hoàn thành công tác Phổ cập giáo dục (PCGD) TH đúng độ tuổi mức độ 2 đạt tỷ lệ 100%.

Đối với cấp TH, Phòng GD&ĐT Phú Bình đã tích cực chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm túc *Chương trình giáo dục phổ thông* theo Quyết định số16/2006/QĐ - BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở đảm bảo mục tiêu của giáo dục TH, các trường TH trong toàn huyện chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Tiếp đó, chỉ đạo thực hiện văn bản 896/BGD&ĐT-GDTH ngày 13/2/2006 của Bộ GD&ĐT về việc điều chỉnh chương trình nội dung dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh. Điều chỉnh nội dung và dạy học theo công văn 5842 của Bộ GD&ĐT về tổ chức chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng. Tăng cường đổi mới công tác quản lý chỉ đạo từ phòng GD&ĐT tới các nhà trường, thực hiện nghiêm túc dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, dạy đủ và có chất lượng các môn học. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới chương trình giáo dục, dậy đủ và có chất lượng các môn học. Quan tâm đến những học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giảm tối thiểu học sinh lưu ban, không để học sinh bỏ học và thực hiện tốt việc vận động học sinh bỏ học quay lại trường. Thực hiện tốt việc dạy học 2 buổi/ngày, kết quả 100% các trường đều tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Phòng GD&ĐT yêu cầu các đơn vị chú trọng nâng cao chất lượng để tất các các em đều đạt được chuẩn kiến thức kỹ năng theo yêu cầu. Thực

hiện việc Triển khai đề án "*Phương pháp Bàn tay nặn bột*" ở các trường TH giai đoạn 2011-2015" theo Quyết định số 6120/QĐ-BGDĐT ngày 01/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các trường chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch thực hiện của cá nhân, xây dựng kế hoạch thực hiện của tổ chuyên môn, tổ chức các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn về việc thực hiện phương pháp *"Bàn tay nặn bột*". Bên canh đó, phòng GD&ĐT triển khai tập huấn cho cán bộ quản lý và giáo viên mỹ thuật của 22 đơn vị trường tiểu học trong toàn huyện về việc sử dụng "*Phương pháp dạy học mỹ thuật mới của Đan Mạch* trong năm học 2015 - 2016.

Nếu như năm học 2009 - 2010 trên địa bàn huyện chỉ có có 7/21 trường dạy học môn tự chọn Anh văn từ lớp 3 đến lớp 5, 4/21 trường dạy học môn tự chọn Tin học thì đến năm học 2015 - 2016 trên địa bàn toàn huyện đã có 17/22 trường tổ chức dạy tin học và 22/22 trường tổ chức dạy ngoại ngữ. 100% các trường tiểu học trên địa bàn huyện được trang bị máy chiếu Prozecto phục vụ việc giảng dạy, 80% số giáo viên biết soạn bài trên máy tính. Phòng giáo dục đã chỉ đạo trường Tiểu học Hà Châu sử dụng có hiệu quả bảng tương tác, 100% cán bộ quản lí và giáo viên đã được tập huấn sử dụng bảng điện tử tương tác trong dạy học. Trong năm học 2015 - 2016 tổng số có 415 phòng học trong đó có 214 phòng học kiên cố chiếm tỷ lệ 51,6% và 205 nhà cấp 4 chiếm tỷ lệ 48,4% [47, tr.12].

Phương pháp đánh giá kiểm tra với bậc học tiểu học cũng có sự thay đổi. Nếu những năm trước 2014, việc kiểm tra và đánh giá xếp loại học lực và hạnh kiểm học sinh tiểu hoc theo khung: giỏi, khá, trung bình, yếu thì sang năm 2014, Phòng GD&ĐT tiếp tuc chỉ đạo 100% các trường tiểu học tổ chức, triển khai thực hiện đánh giá học sinh TH theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT đến tất cả cán bộ quản lí, giáo viên trong toàn huyện, chỉ đạo việc tuyên truyền để các bậc phụ huynh hiểu và tham gia vào quá trình đánh giá học sinh. Chỉ đạo tổ chức chuyên đề các cấp tập trung vào việc đổi mới hình thức đánh giá HS, nhằm học hỏi, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện.

Bảng 2.5. Chất lượng giáo dục tiểu học năm học 2014 - 2015

Tổng số học sinh	Thực hiện chương trình học	
11.411	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
	11.289(99%)	118(%)

(Nguồn: Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình)

Đối với cấp THCS, phòng GD$ĐT tích cực chỉ đạo các trường trên địa bàn huyện không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường công tác quản lí giáo dục, thực hiện đổi mới các phương pháp dạy và học. Hệ thống sách giáo khoa chuẩn bao gồm các môn cơ bản là : Toán, Vật Lý, Hóa Học, Sinh Học, Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lý,Tiếng Anh, Giáo dục công dân, Âm nhạc, Thể dục.

Phòng GD&ĐT cùng các cấp chính quyền đã có những quan tâm chỉ đạo kịp thời đối với nhiệm vụ từng năm học của cấp học THCS. Ngay từ đầu các năm học, Phòng GD&ĐT đã xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức hội nghị cán bộ quản lí để thống nhất kế hoạch chỉ đạo các nhiệm vụ trong năm học. Nhờ việc bàn bạc dân chủ nên các công việc được tổ chức triển khai thuận lợi, đạt hiệu quả tốt.

Các đơn vị đều thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học và khung phân phối chương trình đã quy định; 100% cán bộ, giáo viên các trường THCS trong huyện đã tham dự lớp tập huấn dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng. Qua kiểm tra, tất cả các đơn vị đều thực hiện tốt việc dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông đã quy định.

Việc đầu tư về cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho dạy và học được chú trọng đúng mức. Đến nay, trong toàn cấp THCS có 20 phòng máy vi tính với 350 chiếc, trong đó đã có 183 máy kết nối internet phục vụ cho công tác dạy học.

Phòng GD&ĐT triển khai các giải pháp để giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, học sinh bỏ học, tăng tỷ lệ học sinh khá giỏi, chỉ đạo các trường làm tốt công

tác tuyên truyền tới các cấp quản lý, các bí thư trưởng xóm, các bậc phụ huynh học sinh để đảm bảo việc duy trì sĩ số ở mỗi đơn vị trường học,chỉ đạo các trường THCS xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phụ đạo đối với học sinh yếu tập trung vào dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, đảm bảo kiến thức yêu cầu tối thiểu đối với từng khối lớp để các em đều cập chuẩn, hạn chế thấp nhất số lượng học sinh lưu ban.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Sở GD&ĐT, ngành GD&ĐT Phú Bình đã tiếp tục triển khai tốt cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*"; tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc cuộc vận động "*Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*". Cuộc vận động này đã đi vào chiều sâu và có tác dụng tích cực. Bên cạnh đó, tiếp tục quán triệt tới toàn thể cán bộ giáo viên, học sinh thực hiện phong trào thi đua "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*", làm tốt công tác tuyên truyền tới các cấp chính quyền địa phương và toàn thể nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của phong trào nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong xã hội và ngoài nhà trường để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiệu quả và giáo dục toàn diện học sinh, đặc biệt giáo dục đạo đức và nhân cách.

Chất lượng giáo dục và đào tạo không ngừng được nâng cao qua các năm học, tình trạng học sinh bỏ học, lưu ban, học sinh yếu kém đã giảm rõ rệt. Phòng GD&ĐT tổ chức nhiều cuộc thi vận động các em học sinh giỏi tham dự như cuộc thi học sinh giỏi thường niên, cuộc thi khoa học kĩ thuật, cuộc thi giải toán bằng tiếng việt qua mạng internet, cuộc thi giải toán bằng tiếng anh qua mạng internet, thi tiếng anh qua mạng internet, thi giải toán bằng máy tính cầm tay..v..v

Bảng 2.6. Xếp loại đánh giá 2 mặt giáo dục THCS năm học 2002 - 2003

	Giỏi (Tốt) (Tỉ lệ%)	Khá (Tỉ lệ%)	TB (Tỉ lệ%)	Yếu (Tỉ lệ%)	Kém (Tỉ lệ%)
Học lực	*4.4*	*30*	*52.3*	*12.6*	*0.7*
Hạnh kiểm	*58.2*	*34.1*	*7*	*0.7*	*0*

nguồn: Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình

Đến năm học 2014 - 2015, chất lượng giáo dục 2 mặt có sự tiến bộ rõ rệt và được thể hiện dưới bảng sau đây:

Bảng 2.7. Xếp loại đánh giá học lực học sinh THCS năm học 2013 - 1014

Lớp	SL HS	XL học lực									
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		%
6	2248	296	13,17	856	38,08	981	43,64	113	5,03	3	0,13
7	2111	263	12,46	861	40,79	898	42,54	85	4,03	3	0,14
8	2109	281	13,32	841	39,88	907	43,01	80	3,79	0	0,00
9	2045	306	14,96	898	43,91	841	41,12	0	0,00	0	0,00
+	8513	1146	13,46	3456	40,60	3627	42,61	278	3,27	6	0,07

Nguồn: Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình

Bảng 2.8. Xếp loại đánh giá hạnh kiểm học sinh THCS năm học 2013 - 2014

Lớp	SLHS	XL hạnh kiểm							
		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	2248	1710	76,07	472	21,00	66	2,94	0	0,00
7	2111	1502	71,15	503	23,83	98	4,64	8	0,38
8	2109	1558	73,87	457	21,67	88	4,17	6	0,28
9	2045	1635	79,95	365	17,85	42	2,05	3	0,15
+	8513	6405	75,24	1797	21,11	294	3,45	17	0,20

Nguồn: Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình

Qua bảng trên có thể thấy tỉ lệ học sinh đạt danh hiệu học sinh khá giỏi có xu hướng tăng, tỉ lệ học sinh yếu và kém có xu hướng giảm, tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm tốt và khá tăng lên, tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm yếu kém giảm. Như vậy ta có thể thấy rằng chất lượng giáo dục đã từng bước được nâng cao,

các chính sách để quản lí giáo dục đã mang lại hiệu quả cho giáo dục phổ thông huyện nhà. Có được những kết quả này là minh chứng cho sự vận dụng linh hoạt đường lối và chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển giáo dục, sự cố gắng nỗ lực làm việc của giáo viên và cán bộ quản lí cùng tinh thần ham học tập của các thế hệ học sinh trên mảnh đất Phú Bình.

Cùng với sự ổn định về số lượng lớp học và học sinh thì chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. 100% giáo viên các trường phổ thông đạt chuẩn về trinh độ. Tỉ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn ở 3 trường THPT Phú Bình, Điềm Thụy, Lương Phú lần lượt là có 20%, 24,36% và 21,7%.

Bảng 2.9. Chất lượng 2 mặt giáo dục từ năm 2003 đến năm 2015

Trường THPT Lương Phú

Năm học	**Số lớp**	**Số HS**	**Chất lượng giáo dục**								
			Xếp loại học lực					***Xếp loại hạnh kiểm***			
2003 - 2004	8	408	Giỏi	khá	TB	Yếu	kém	Tốt	khá	TB	Yếu
2004 - 2005	18	910	1,47	40	57,8	0,73	0	39,5	53,2	7,3	0
2005 - 2006	32	1567	2.2	45,6	50,2	2,0	0	46,2	42,3	10	1,5
2006 - 2007	38	1796	1,9	44,9	50,7	2,4	0	49,9	40,6	6,9	2,6
2007 - 2008	38	1771	1,5	26,1	59,7	12,6	0,1	41	46,6	11,5	0,9
2008 - 2009	34	1546	3,1	33	57,2	6,3	0,4	64,4	28,5	5,6	1,5
2009 - 2010	32	1368	1,74	28,3	57,7	12,1	0,16	55,1	31,7	11,6	1,6
2010 - 2011	30	1302	3,2	34,7	51,3	10,7	0,1	65,2	27,2	7,1	0,5
2011 - 2012	30	1246	4,0	41,6	43,9	9,6	0,1	66,7	25,6	7,0	0,6
2012 - 2013	30	1227	4,8	37,2	48,9	9,0	0,1	66,1	26,9	5,9	1,2
2013 - 2014	30	1214	7,2	36,0	46,4	10,0	0,2	65,3	27,4	6,4	0,8
2014 - 2015	30	1245	9,6	44,1	40,6	5,1	0,0	74,4	19,8	4,9	1,0

Nguồn: Sở GD&ĐT tỉnh Thái Nguyên

Bảng 2.10. Thống kê kết quả 2 mặt giáo dục từ năm 2009 đến năm 2015 trường THPT Điềm Thụy

Năm học	*Tổng sô*	*Học lực*					*Hạnh kiểm*			
		Giỏi	**khá**	**TB**	**Yếu**	**kém**	**Tốt**	**khá**	**TB**	**Trung bình**
2009 - 2010	**431**	6	70	226	127	2	157	187	71	16
Tỉ lệ %		1,39	16,24	52,44	29,47	4,46	36,43	43,39	16,47	3,71
2010 - 2011	**839**	22	247	504	66	0	429	275	119	15
Tỉ lệ %		2,6	29,4	60,1	7,9	0	51,1	32,8	14,2	1,8
2011 - 2012	**1218**	21	444	619	132	2	622	374	149	33
Tỉ lệ %		1.7	36.5	50.8	10.8	0.2	54.4	30.7	12.2	2.7
2012 - 2013	**1209**	45	498	557	108	0	779	296	119	15
Tỉ lệ %		3,72	41,19	46,07	8,93	0	64,43	24,48	9,84	1,24
2013 - 2014	**1183**	69	460	590	62	2	740	319	114	10
Tỉ lệ %		5,8	38,9	49,9	5,2	0,2	62,6	27,0	9,6	0,8
2014 - 2015	**1217**	88	493	549	86	0	801	282	113	21
Tỉ lệ %		7,2	40,5	45,1	7,1	0	65,8	23,2	9,3	1,7

Nguồn: Sở GD và ĐT tỉnh Thái Nguyên

Hàng năm, các trường THPT của huyện có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của từng giáo viên và tổ chuyên môn. Các tổ chuyên môn chủ động đề xuất kế hoạch cụ thể đưa giáo viên đi tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh, quản lí học sinh tại nhà trường, các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn tại trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, trường Đại học Sư phạm Hà Nội để cập chuẩn và nâng chuẩn.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Mạng lưới các trường phổ thông được quy hoạch ngày càng hoàn thiện. Phòng GD&ĐT huyện đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương để tiếp tục xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học. Xây dựng các công trình vệ sinh phục cho học sinh và cán bộ

giáo viên, giữ gìn môi trường sư phạm, đảm bảo 100% các trường được kiên cố hóa và có khuôn viên sạch đẹp, tiến hành sửa chữa lại một số trường TH có nguy cơ xuống cấp như trường TH Tân Đức, trường TH Tân Kim…mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục mới để phục vụ cho công tác dạy và học với nguồn vốn được huy động từ ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

Từ những năm 2000 trở đi với sự tham mưu tích cực của lãnh đạo ngành đã tận dụng các nguồn vốn đầu tư đặc biệt các nguồn vốn phúc lợi xã hội tập trung xây dựng trường học. Nhiều trường đã quan tâm tới phong trào xây dựng trường "*Xanh, sạch, đẹp*", xây dựng cảnh quan trường học tạo nên khuôn viên sư phạm phục vụ tích cực cho công tác dạy và học của các em học sinh như các trường. Những trường có dấu hiệu xuống cấp cũng đã được cấp kinh phí để đầu tư tu bổ và kiên cố hóa. Các trường đều có khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây bóng mát, khu luyện tập thể dục thể thao, nhà đa chức năng để rèn luyện thể chất và tổ chức các sinh hoạt tập thể. Bên cạnh đó hệ thống nước uống cho các em đều là hệ thống xử lí nước lọc hiện đại đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Các trường đều có hệ thống sân chơi, bãi tập thể thao sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông; khu nhà Hiệu bộ riêng với đủ các phòng làm việc cho lãnh đạo quản lý, các Tổ sinh hoạt chuyên môn, phòng Đoàn Thanh niên, phòng Công Đoàn, phòng Truyền Thống

Đối với các trường TH, THCS và THPT đều đã có phòng máy tin học phục vụ cho việc học tập công nghệ thông tin, ngoài ra tại các trường THCS và THPT trên địa bàn huyện còn có các phòng thí nghiệm vật lý - công nghệ và phòng thực hành hóa học - sinh học. Cơ sở vật chất trường học cũng từng bước được tăng cường đầu tư, hoàn thiện.

Thực hiện *Đề án kiên cố hóa trường lớp* học giai đoạn 2008 - 2012, huyện Phú Bình đã xây dựng được 246 phòng học và 10 nhà công vụ đạt tiêu chuẩn, bằng 50% kế hoạch đề ra. Hàng năm các nhà trường đều xây dựng kế

hoạch mua sắm bổ sung thiết bị, tích cực sửa chữa CSVC, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi phục vụ tốt cho nhu cầu hoạt động dạy và học. Phòng GD&ĐT quan tâm đầu tư giành kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác xây dựng trường chuẩn, thư viện chuẩn đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn dạy và học, đã mua bổ sung phòng máy tính, máy chiếu Projector cho các trường. Nâng cấp các tiêu chí của thư viện đạt chuẩn, bổ sung các loại sách tham khảo theo quy định. Chỉ đạo các trường thực hiện tốt phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ dạy và học. Trong năm học 2013 - 2014, huyện Phú Bình đưa vào sử dụng 64 phòng học mới, trị giá gần 30 tỷ đồng bằng các nguồn kinh phí: Công trái giáo dục, xổ số kiến thiết, phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi và nguồn xã hội hóa giáo dục. Trong đó 10 phòng của bậc tiểu học và 10 phòng của bậc THCS. Trong năm học 2014 - 2015 các trường đã làm được nhiều đồ dùng dạy học có tính khoa học và sáng tạo. Trong thời gian này, huyện Phú Bình tiếp tục chỉ đạo các địa phương, các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công 3 công trình gồm: 10 phòng học cao tầng của trường tiểu học thị trấn Hương Sơn; Cụm trung tâm trường mầm non Nhã Lộng và Kha Sơn trị giá trên 8,8 tỷ đồng. Thi công xây dựng văn phòng các trường tiểu học: Bảo Lý, Nhã Lộng, Nga My 2…

Công tác xây dựng thư viện chuẩn luôn được Phòng GD&ĐT quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí, trang thiết bị cho thư viện các trường TH và THCS. Đến nay trong toàn huyện có 39/43 thư thư viện trường học đạt chuẩn.

Chất lượng đội ngũ quản lí và giáo viên

Cán bộ quản lý là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định đến định hướng phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục trong các nhà trường. Trong những năm gần đây, đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục từng bước được nâng cao về chất lượng. Trên toàn huyện hiện nay có khoảng 98 cán bộ quản lí ở cấp học phổ thông. Cấp TH có 44 cán bộ quản lí, cấp THCS có 42 cán bộ quản lí, cấp THPT có 10 cán bộ quản lí. Cán bộ quản lí ở các trường cũng không ngừng học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ năng lực và phẩm chất cách mạng. Trình độ của đội ngũ quản lí đạt chuẩn 100%.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (khóaVII), Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Đảng, thông tư của Chính phủ về cải cách hành chính và chủ trương của bộ GD&ĐT, hướng dẫn của sở GD&ĐT về đổi mới công tác quản lý giáo dục, đặc biệt là Chỉ thị 40 của Ban bí thư về nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý giáo dục, trong những năm qua, ngành giáo dục huyện Phú Bình đã thường xuyên tăng cường công tác đổi mới quản lý giáo dục, tham mưu với Huyện ủy, UBND huyện về việc sắp xếp tổ chức bộ máy biên chế của phòng giáo dục, các trường học trong đơn vị huyện, quy hoạch cán bộ quản lý, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao chất lượng trình độ quản lý giáo dục cho đội ngũ giáo viên.

Cùng với đội ngũ quản lí thì đội ngũ giáo viên là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định sự nghiệp và chất lượng giáo dục. Thấm nhuần lời dạy của chủ tịch Hồ Chí Minh *"Dù khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt, học tốt",* Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), tại chương III, điều 35 ghi rõ*: "Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu",* công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và là điều kiện để quyết định sự phát triển của nền giáo dục.

Theo Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương "*Về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*" để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.Công tác xây dựng bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo tinh thần Chỉ thị 40-CT/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã được quan tâm. Đại bộ phận nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có ý thức phấn đấu, tinh thần trách nhiệm tự học, tự rèn để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục trong tình hình mới. Sở GD&ĐT, cùng với các cấp chính quyền huyện ủy, Phòng GD&ĐT đã có nhiều chính sách kịp thời hỗ trợ, động viên giúp cho đội ngũ giáo viên yên tâm thực hiện công tác giáo dục.

Số lượng giáo viên các cấp học qua 20 năm được thể hiện trong bảng số liệu sau:

Bảng 2.11. Số lượng giáo viên của từng cấp học từ năm 1997 đến năm 2016

Năm học	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng
1997-1998	712	645	123	1.480
1998-1999	727	647	116	1.490
1999-2000	723	630	125	1.478
2000-2001	741	635	128	1.504
2001-2002	687	625	132	1.444
2002-2003	643	614	146	1.403
2003-2004	626	610	151	1.387
2004-2005	583	586	172	1.341
2005-2006	556	579	191	1.326
2006-2007	548	569	181	1.290
2007-2008	547	568	183	1.290
2008-2009	547	532	193	1.272
2009-2010	546	517	219	1.282
2010-2011	571	518	225	1.314
2011-2012	566	528	222	1.316
2012-2013	625	546	241	1.412
2013-2014	674	578	254	1.506
2014-2015	721	604	257	1.582
2015-2016	733	601	262	1.596

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên từ 1997 đến 2016

Trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên càng ngày càng cao. Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình thực hiên nghiêm túc việc đánh giá chất lượng giáo viên. Đội ngũ nhà giáo không ngừng học hỏi, trau dồi rèn luyện về tri thức và lối sống, trình độ chuyên môn. Sở GD&ĐT phối hợp cùng các Cấp Uỷ Đảng và

Phòng GD&ĐT huyện triển khai nhiều chương trình, nhiều cuộc vận động như phong trào thi đua *"Dạy tốt, học tốt",* hoạt động "*Đổi mới sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học"...* Đặc biệt, thực hiện Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg ngày 8/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về "*chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục*" và hưởng ứng Cuộc vận động "*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*" của Bộ GD&ĐT, phòng GD&ĐT tích cực triển khai sâu rộng đến toàn bộ các trường trên địa bàn huyện và các cán bộ giáo viên. Bên cạnh đó các hoạt động chuyên môn cũng được Sở GD&ĐT, cùng với Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình tích cực triển khai như tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi thường niên để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo chuẩn đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Các tổ chuyên môn trong mỗi nhà trường thường xuyên tổ chức thao giảng, rút kinh nghiệm bồi dưỡng năng lực chuyên môn. Thường niên, Sở GD&ĐT tỉnh Thái Nguyên tổ chức nhiều đợt tập huấn, hội thảo nhằm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Sau các đợt tập huấn của Sở GD&ĐT, những giáo viên được cử đi tập huấn có trách nhiệm truyền đạt, tập huấn lại cho cán bộ giáo viên nhà trường. Chất lượng dạy học ngày càng được nâng cao rõ rệt. Các nhà trường luôn tích cực tạo điều kiện cử giáo viên đi học để nâng cao trình độ, các tổ chuyên môn trong nhà trường đề xuất kế hoạch cho giáo viên đi tập huấn, tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh.

Đến nay trình độ đạt chuẩn của giáo viên TH đạt chuẩn : 100%, trong đó trên chuẩn :483/675 =71.5%, trình độ đạt chuẩn của giáo viên THCS đạt 100%, trong đó trên chuẩn :314/582 = 53.9% [45, tr. 5]. Trình độ đạt chuẩn của giáo viên THPT là 100%, trong đó trên chuẩn là 22%.

Cùng với việc thường xuyên nâng cao chất lượng dạy học, Đảng bộ huyện thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng,

nâng cao đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, tăng cường công tác phát triển Đảng gắn liền với các cuộc vận động hàng năm như cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*", cuộc vận động "*Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo*", phong trào *" thi đua xây dựng trương học thân thiện, học sinh tích cực*". Hàng năm các trường trên địa bàn huyện phát động nhiều phong trào thi đua dạy tôt, học tốt chào mừng các ngày lễ lớn như 20/11, 26/03.

Bên cạnh việc đẩy mạnh năng lực chuyên môn và công tác tư tưởng các cấp ủy Đảng, chính quyền huyện, Sở GD&ĐT tỉnh Thái Nguyên, Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình đã có nhiều chính sách và biện pháp thích hợp quan tâm đầy đủ và kịp thời tất cả các chính sách dối với giáo viên. Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng chính quyền để có các giải pháp cải thiện nâng cao đời sống đội ngũ giáo viên công tác tại các trường vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, động viên cán bộ giáo viên yên tâm công tác. Thực hiện việc luân chuyển đội ngũ giáo viên hoàn thành nghĩa vụ từ vùng khó khăn về vùng thuận lợi, tổ chức chương trình "*lá lành đùm lá rách*" hỗ trợ cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp tết nguyên đán.

2.2.2.2. Các hoạt động giáo dục khác.

Công tác xã hội hóa giáo dục, thực hiện công bằng trong học tập.

Điều 12, Luật Giáo dục ban hành năm 2005 quy định về xã hội hóa sự nghiệp giáo dục như sau: Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội hóa học tập là sự nghiệp của nhà nước và của toàn dân Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục mọi tổ chức, gia đình và công dân đều có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác xã hội hóa giáo dục, phòng GD&ĐT huyện Phú Bình đã làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương thúc đẩy sự nghiệp phát triển giáo dục ở địa phương nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển giáo dục ở giai đoạn hiện nay. Sở GD&ĐT tỉnh Thái Nguyên kết hợp với phòng GD&ĐT huyện Phú Bình triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP và quy định số 20/2005-BGD&ĐT ngày 24/06/2005 phê duyệt Đồ án " *Quy hoạch và phát triển xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2005 - 2010*". thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về "*Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*".

Năm học 2012 - 2013, Phòng GD&ĐT đã tham mưu cho UBND huyện ra Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 06/12/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập huyện Phú Bình giai đoạn 2013 - 2020. Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập đã xây dựng Kế hoạch số 47/KH-BCĐ ngày 12/12/2013 về kế hoạch thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn huyện giai đoạn 2013 - 2020 nhằm nâng cao nhận thức cho mọi người về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Để làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, Phòng GD&ĐT huyện Phú Bình đã có Hướng dẫn số: 543/GD&ĐT của Phòng GD&ĐT đã góp phần đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương, huy động được sự đóng góp của nhân dân trong công tác giáo dục. Kết quả huy động nguồn lực xã hội hóa trong năm học 2013 - 2014 được 8.786 triệu đồng. Công tác chỉ đạo của Phòng GD&ĐT với các cơ sở giáo dục đảm bảo được tính hành chính nhà nước và chuyên môn. Công tác xã hội hóa được toàn toàn dân đồng tình ủng hộ mang lại những kết quả cụ thể trong tham gia quản lý giáo dục, xây dựng CSVC của các nhà trường ở tất cả các địa bàn trong huyện. Công tác xã hội hóa đã huy động được nguồn lực xã hội to lớn đầu tư sửa chữa và xây dựng được nhiều phòng học, nhà công vụ, mua sắm thêm những cơ sở vật chất phục vụ cho quá

trình dạy và học. Chính quyền địa phương khuyến khích phát triển các hội khuyến học, dòng họ khuyến học ở các xã, thôn xóm, kịp thời có những chính sách động viên những em học sinh có những thành tích trong học tập, hỗ trợ các em có hoàn cảnh khó khăn đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

*Công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể trong nhà trường***.**

Tổ chức Đảng và Đoàn thể trong nhà trường là lực lượng rất quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp, chỉ đạo thực hiện mục tiêu giáo dục, thực hiện nhiệm vụ cụ thể của nhà trường. Vì mọi chủ trương kế hoạch muốn thực hiện tốt phải thống nhất hành động và phải có sự phối hợp giữa các tổ chức đem lại hiệu quả cao nhất.

Về tổ chức Đảng.

Trước những năm 2000, công tác kết nạp Đảng viên còn chưa thực sự được phát triển, có nhiều chi bộ còn chưa có cho bộ Đảng độc lập. Tuy nhiên trong khoảng 20 năm trở lại đây thì công tác kết nạp, xây dựng được chú trọng hơn rất nhiều. Đến ngày nay, số lượng Đảng viên trong các trường đạt khoảng 50%, 100% các trường đã có chi bộ Đảng, 100% các chi bộ Đảng đạt chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Các nhà trường luôn thực hiện theo cơ chế " *Đảng lãnh đạo, Ban giám hiệu quản lý, giáo viên và học sinh làm chủ",* dựa trên nguyên tắc " *Đảng bộ lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường"* và trên tinh thần phát huy dân chủ. Đảng viên luôn giữ phẩm chất chính trị, gương mẫu, đoàn kết, tập hợp và lãnh đạo quần chúng hoàn thánh nhiệm vụ năm học. Các chi bộ Đảng luôn duy trì sinh hoạt và hoạt động theo quy chế hoạt động của Đảng bộ. Mỗi Đảng viên gương mẫu tiên phong hoàn thành nhiệm vụ, là tấm gương sáng để quần chúng noi theo. Các Chi bộ Đảng đã sớm nắm bắt và đề ra những phương hướng nhiệm vụ gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua gắn sát với tình hình thực tiễn của địa phương, nhà trường trong từng năm học, từng thời kỳ, nhằm khắc phục và đẩy mạnh những ưu khuyến điểm, những hạn chế và tiềm năng của nhà trường phát triển đội ngũ để xây dựng nhà trường trong sạch, vững mạnh.

Các Đảng viên luôn tích cực, chủ động tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước tới quần chúng nhân dân để quần chúng nhân dân học tập và làm việc theo các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.

Tổ chức Công đoàn.

Trong nhà trường, tổ chức công đoàn là nền tảng của công đoàn ngành GD&ĐT, là cầu nối giữa cán bộ giáo viên, đoàn viên với các đoàn thể trong trường và ngoài xã hội, với Chi bộ trường và các tổ chức chính trị trong nhà trường, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của đoàn viên. Công đoàn là cơ sở nhà trường phát huy tinh thần làm chủ, đoàn kết đoàn viên lao động tham gia xây dựng nhà tường vững mạnh, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Công đoàn trong các nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm thu hút đoàn viên tham gia xây dựng cơ quan văn hóa. Vận động xây dựng tấm gương nhà giáo mẫu mực về đạo đức, tự giác năng động nâng cao năng lực chuyên môn và uy tín cao trước học sinh. Từ năm 2000 đến năm 2016, trước sự phát triển mạnh mẽ của nền giáo dục huyện Phú Bình, các tổ chức công đoàn càng phát triển, liên tục phát động các đợt thi đua giáo viên dạy giỏi, các cuộc thi thể thao, văn nghệ cấp huyện, tỉnh để xây dựng nền giáo dục của huyện nhà ngày càng phát triển và bền vững.

Tổ chức Đoàn, Đội thanh niên.

Tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường có vai trò cùng với nhà trường xây dựng các hoạt động, phong trào mà nghành phát động trong mỗi năm học. Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh thường xuyên đổi mới cách tổ chức và thực hiện, tập hợp đoàn kết và giáo dục đoàn viên, thanh niên chấp hành luật pháp và phòng chống tệ nạn xã hội. Thi đua dạy tốt, học tốt, tham gia xây dựng Đảng bộ và nhà trường, phát huy sức trẻ trong công việc. Trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2008, các tổ chức Đoàn, Đội ngày càng nổi bật trong công tác giáo dục thanh thiếu niên trong nhà trường, đặc biệt là trong phong trào "*xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực".* Công đoàn nhà trường

thường xuyên phối hợp với đoàn thanh niên, đội thanh niên tổ chức nhiều cuộc thi cho học sinh như " *giai điệu tuổi hồng*", "*chỉ huy đội giỏi*", hội thi "*nghi thức đội và múa hát tập thể*", chương trình "*thắp sáng ước mơ cho em*".... Đoàn thanh niên tổ chức và thực hiện tốt vấn đề tập hợp, giáo dục và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cho đoàn viên. Tổ chức và thực hiện 2 vấn đề lớn trong Đoàn viên thanh niên là vấn đề An toàn giao thông và tệ nạn xã hội, đoàn, đội cũng thường xuyên tổ chức thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm và phát động phong trào quyên góp và ủng hộ đoàn viên thanh niên có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

Với những hoạt động thiết thực, cụ thể trên, các tổ chức Đoàn, Đội đã góp phần thực hiện tốt phong trào thi đua học tập và rèn luyện. Nhiều đoàn viên, học sinh đã nhận thức đúng đắn, vai trò của mình, của đoàn viên và luôn đi đầu gương mẫu trong công tác. Số học sinh khá giỏi trong đoàn ngũ hàng năm đạt 100% nhiều đoàn viên đạt thành tích học sinh gỏi cấp tỉnh, cấp huyện. Hoạt động thường xuyên của các phong trào thi đua cũng đã góp phần giáo dục cho học sinh ý thức, trách nhiệm công dân của mình, tăng cường nếp sống văn minh, lành mạnh cho thanh, thiếu niên.

Tiểu kết chương 2

Trong 20 năm 1997 - 2016, giáo dục phổ thông huyện Phú Bình đã phát triển nhanh về số lượng và chất lượng. Hệ thống trường lớp và cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trong vùng. Mặc dù còn những khó khăn nhất định nhưng sự nghiệp giáo dục và đào tạo cũng như giáo dục phổ thông huyện Phú Bình đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đặc biệt, trong thời kì kinh tế thị trường, giáo dục phổ thông huyện Phú Bình thể hiện được đầy đủ bản lĩnh của nền giáo dục cách mạng, luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, đồng thời vận dụng sáng tạo vào thực tiễn, thực hiện thắng lợi mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương 3
MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HUYỆN PHÚ BÌNH QUA 30 NĂM (1986 – 2016)

3.1. Những thành tựu của giáo dục phổ thông Phú Bình

Trải qua 30 năm xây dựng phát triển và lớn mạnh, giáo dục phổ thông huyện Phú Bình đã đạt được nhiều thành tựu, là điểm tựa chắp cánh ước mơ cho nhiều thế hệ học sinh. Giáo dục phổ thông huyện đã kịp thời nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền, các ngành với sự quan tâm và những ưu tiên đầu tư cho phát triển.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết TW2 khóa VIII với quan điểm *"Giáo dục là quốc sách hàng đầu"*, giáo dục phổ thông huyện Phú Bình vẫn gặp phải nhiều khó khăn. Tuy vậy, với sự cố gắng nỗ lực của các thầy cô giáo, các thế hệ cha mẹ học sinh và bao nhiêu thế hệ các em học sinh cùng sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, đến nay giáo dục phổ thông huyện Phú Bình đã đạt được nhiều thành quả to lớn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của tỉnh Thái Nguyên.

3.1.1. Chất lượng giáo dục phổ thông có nhiều tiến bộ, trình độ hiểu biết, năng lực tiếp cận tri thức mới của học sinh được nâng cao một bước.

Công tác phổ cập giáo dục đạt nhiều thành tựu. Trên địa bàn toàn huyện có 21/21 (xã, thị trấn) hoàn thành công tác PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 2 đạt tỷ lệ 100% . Đạt chuẩn PCGD THCS: 21đạt tỷ lệ 100% (Có 02/21 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn PCGD THCS mức độ 3 bằng 9,52%; có 16/21 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn PCGDTHCS mức độ 2 bằng 76,19%; 03/21 xã đạt tiêu chuẩn PCGD THCS mức độ 1 bằng 14,29%). Căn cứ vào tiêu chuẩn, huyện đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1. Hiện nay đã có 100% số trường TH đạt chuẩn mức độ I, có 8/21 trường THCS đạt chuẩn chiếm 38,1%, 2/3 trường THPT đạt chuẩn [46, tr.5].

Chất lượng và hiệu quả giáo dục ở các trường học có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh ngồi nhầm lớp, bỏ học giảm đáng kể. Tỷ lệ học sinh tốt

nghiệp tăng đều theo từng năm. Chất lượng giáo dục và đào tạo có những bước tiến bộ trên các mặt, số học sinh giỏi, khá và học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh, học sinh giỏi cấp quốc gia ngày càng tăng. Có nhiều em học sinh tham gia các kỳ thi giỏi quốc gia, cuộc thi đường lên đỉnh Ôlympia và đạt giải cao.

Đảng bộ huyện Phú Bình đã chỉ đạo Uỷ ban nhân dân huyện, Phòng GD&ĐT tập trung trí tuệ, nguồn lực nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học. Chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững và nâng cao dần qua từng năm.

3.1.2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không nghừng trau dồi rèn luyện về kiến thức và đạo đức nghề nghiệp

Thực hiện nghiêm túc cuộc vận động *"Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"* gắn với việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động khác của ngành, 100% cán bộ, giáo viên thực hiện tốt quy chế chuyên môn, không có cán bộ giáo viên vi phạm bị xử lý kỷ luật.

Phòng GD&ĐT huyện chỉ đạo các trường triển khai và thực hiện nghiêm túc Quyết định số:16/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GD&ĐT về quy định đạo đức nhà giáo. Đại đa số cán bộ, giáo viên đều có ý chí vươn lên không ngừng học tập để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ và tin học để phục vụ công tác và hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và chuẩn cán bộ quản lý cơ sở giáo dục với nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ quản lí và giáo viên trong các nhà trường thường xuyên trau dồi kiến thức và đạo đức nghề nghiệp để không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất cách mạng. Tuy trong điều kiện giáo dục vẫn còn những khó khăn nhất định nhưng với tinh thần yêu nghề, mến trẻ, các thầy cô vẫn cố gắng khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.

Bên cạnh đó, các thầy cô giáo cũng thường xuyên thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tính chủ động tích cực của học sinh theo phương châm *"Trò chủ động, thầy chủ đạo"*. Hình thức đổi mới việc sinh hoạt tổ chuyên môn cũng được các thầy cô kịp thời triển khai nhằm mang lại những hiệu quả tốt nhất đến quá trình giáo dục.

3.1.3. Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục đã được cải thiện, thực hiện tốt công tác hỗ trợ đối với học sinh thuộc diện chính sách

Phú Bình là một huyện đa dân tộc, con em của các dân tộc trên địa bàn huyện Phú Bình đều được hưởng những ưu tiên trong chính sách giáo dục của Đảng và nhà nước. Chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng và các chính sách hỗ trợ khác đối với học sinh thuộc diện chính sách và người nghèo, người dân tộc thiểu số, người bị thiệt thòi, con em thương bệnh binh đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc thực hiện công bằng xã hội, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại huyện nhà.

Căn cứ vào đặc điểm riêng của huyện, phòng GD&ĐT và nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục và rèn luyện học sinh, thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn để các em tiếp tục đi học. Mỗi trường có ít nhất 01 đội văn nghệ xung kích của học sinh, 100% các nhà trường nhận chăm sóc, vệ sinh, bảo vệ các công trình di tích lịch sử, văn hoá, nghĩa trang liệt sỹ trên địa bàn. Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử văn hoá trong nhà trường, đặc biệt là văn hóa giao thông. Chỉ đạo các trường học làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; học sinh có quan hệ ứng xử văn minh lịch sự, trang phục gọn gàng, có tinh thần tương thân, tương ái.

3.1.4. Cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình giáo dục được nâng cấp và đầu tư

Hầu hết các trường trên địa bàn huyện đều có cơ sở vật chất mang lại hiệu quả giáo dục cao. Những trường còn hạn chế cơ sở vật chất đều được đầu

tư nâng cấp, những trường đã có dấu hiệu bị xuống cấp, những phòng học kém chất lượng không đảm bảo độ an toàn đều được đầu tư xây dựng và sửa chữa mới. Nhà công vụ và khu ở tập thể của cán bộ giáo viên cũng được đầu tư nâng cấp giúp các thầy cô giáo yên tâm công tác.

Hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ cho hội nghị, giao ban trực tuyến qua mạng Internet được khai thác sử dụng khá tốt trong tổ chức truyền hình trực tiếp các hoạt động lớn của ngành. Hệ thống thiết bị công nghệ thông tin được chú trọng đầu tư phục vụ quản lý và dạy học. Cùng với đó, việc xây dựng cảnh quan sư phạm ngày càng được các nhà trường tích cực đẩy mạnh. Phần lớn các trường đều có hệ thống nước sạch phục vụ cho nhu cầu của giáo viên và học sinh. Ngoài ra, hệ thống cây xanh, vườn hoa cây cảnh cũng được trồng để mang lại bóng mát và không khí trong lành…

3.2. Những hạn chế của giáo dục phổ thông Phú Bình và nguyên nhân

3.2.1. Những hạn chế

Nhìn lại chặng đường 30 năm xây dựng và phát triển, có thể thấy bên cạnh những thuận lợi đã đạt được, giáo dục phổ thông huyện Phú Bình cũng còn những hạn chế cần được khắc phục như sau:

Thứ nhất: Cơ sở vật chất tuy đã được xây dựng, bổ sung và sửa chữa nhưng nhiều trường vẫn bị thiếu phòng học, học sinh phải học 2 ca.

Cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ dạy học vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh. Nhiều trường học sinh vẫn phải học 2 ca do thiếu phòng học, nhu cầu học tập ngày càng lớn, tuy nhiên nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng vẫn còn hạn chế gây nhiều khó khăn cho đội ngũ giáo viên và học sinh. Bên cạnh đó, còn nhiều trường cần bổ sung trang thiết bị dạy và học. Các trường tiểu học và trung học cơ sở vẫn còn tình trạng thiếu phòng học Tin học cho học sinh. Một số trường học còn có phòng học bị xuống cấp, chưa có nguồn kinh phí để sửa chữa và nâng cấp đặc biệt là các trường ở vùng núi

Thứ hai: Một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế về năng lực chuyên môn, về kinh nghiệm thực tế nên ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và chất lượng dạy học trong các nhà trường.

Cán bộ quản lí và giáo viên là bộ phận chiếm vai trò quan trọng trong các nhà trường. Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ quản lí ở các trường TH và THCS còn hạn chế về năng lực chuyên môn và trình độ nghiệp vụ, chưa phát huy được tính năng động, sáng tạo trong quản lý tổ chức và điều hành công việc, tính độc lập, chủ động và năng lực quản lý còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, một bộ phận nhỏ giáo viên không có ý chí phấn đấu vươn lên chỉ dừng ở mức trung bình, gây ảnh hưởng đến công tác quản lí và công việc giảng dạy trong các nhà trường. Cán bộ thư viện, giáo viên thực nghiệm, thực hành còn thiếu, chuyên môn còn hạn chế, hoạt động chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nên chất lượng và hiệu quả công việc chưa cao.

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất: Một số cán bộ quản lí tư duy đổi mới giáo dục còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển cũng như đòi hỏi của sự chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế - xã hội của huyện, chưa nhận thức đầy đủ để có giải pháp đối với các vấn đề mới nảy sinh trong mối quan hệ giữa kế hoạch phát triển giáo dục và thị trường lao động; giữa mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả; giữa đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của nhân dân và khả năng hạn hẹp của kinh tế; giữa đầu tư của Nhà nước và đóng góp của nhân dân; giữa tình trạng phân hóa giàu nghèo và yêu cầu bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục.

Thứ hai: Nhu cầu học tập của nhân dân ngày càng cao, trong khi khả năng đáp ứng của ngành giáo dục và trình độ phát triển kinh tế của huyện còn hạn chế. Cơ sở vật chất đã được quan tâm đầu tư, song do quy mô trường lớp tăng nhanh và nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông nên vẫn còn thiếu, đặc biệt là phòng học và trang thiết bị dạy học, thiếu diện tích đất, thiếu phòng họcchuyên môn, nhà đa năng, sân chơi… Trong khi đó nguồn vốn đầu tư cho giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển hiện nay.

Cuối cùng, một yếu tố khách quan là công tác thẩm định, tham mưu của Phòng nội vụ huyện còn hạn chế dẫn đến công tác điều động cán bộ giáo viên, luân chuyển cán bộ quản lí, bổ nhiệm cán bộ quản lí chậm, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động công tác chuyên môn và phong trào thi đua của các đơn vị.

3.3. Đặc điểm của giáo dục phổ thông huyện Phú Bình.

Thứ nhất: Giáo dục phổ thông Phú Bình mang đặc điểm chung của nền giáo dục ở vùng nông thôn.

Phú Bình là một huyện thuần nông của tỉnh Thái Nguyên với hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Tình hình phát triển kinh tế và xã hội có sự chênh lệch với các địa phương khác. Trình độ nhận thức và đời sống của người dân còn nhiều khó khăn, hạn chế. Trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế của huyện Phú Bình có sự chuyển dịch đáng kể, tỉ trọng sản xuất công nghiệp được tăng lên. Tuy nhiên, phần lớn hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn được duy trì, ngoài giờ học trên lớp các em học sinh còn tích cực tham gia hoạt động lao động sản xuất tại địa phương giúp đỡ bố mẹ.

Thứ hai: Giáo dục phổ thông huyện Phú Bình có sự chênh lệch về quy mô trường lớp, trình độ giáo viên, trình độ nhận thức của học sinh giữa các địa phương trong huyện.

Trên địa bàn huyện, xuất phát từ đặc điểm kinh tế xã hội không giống nhau nên giáo dục cũng mang tính chất đặc thù của từng khu vực. Ở những khu vực đông dân cư, kinh tế xã hội phát triển, giáo dục có cơ hội phát triển. Trong khi đó, những xã miền núi như Tân Khánh, Tân Thành, Tân Kim… hay những vùng kinh tế còn chưa phát triển như Nga My, Hà Châu, Bảo Lí, Bàn Đạt, trình độ hiểu biết của học sinh và năng lực chuyên môn của giáo viên hạn chế hơn. Tuy sự chênh lệch này không đáng kể nhưng vẫn là một đặc điểm mà các cấp quản lí cần nắm rõ và có nhiều biện pháp tích cực, đẩy mạnh phát triển giáo dục ở những nơi điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn.

Thứ ba: Giáo dục phổ thông Phú Bình luôn cập nhật và có những điều chỉnh kịp thời với những thay đổi về kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

Trong vài năm trở lại đây, tình hình kinh tế xã hội Phú Bình có những chuyển biến rõ rệt. Nếu như trước đây, Phú Bình chỉ được nhắc tới là một huyện thuần nông của tỉnh Thái Nguyên thì nay đã có sự thay đổi về diện mạo mới với sự góp mặt của 2 khu công nghiệp lớn trên địa bàn huyện là KCN Điềm Thụy và KCN Yên Bình. Phù hợp với những đổi thay về kinh tế, nền giáo dục huyện cũng không ngừng cập nhật, theo kịp những biến đổi. Các chương trình liên kết giữa nhà trường và các công ty được thực hiện thường xuyên. Hàng năm, các trường phổ thông xây dựng và thực hiện kế hoạch đưa học sinh đi trải nghiệm tại các công ty, các KCN nhằm phục vụ cho nhu cầu hướng nghiệp và việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp, giúp các em có những định hướng đúng đắn trong tương lai.

3.4. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn phát triển giáo dục phổ thông Phú Bình tỉnh Thái Nguyên (1986 - 2016) có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu như sau:

Thứ nhất: Giáo dục phải gắn liền với thực tiễn, phải tôn trọng tính chất đặc thù của giáo dục từng vùng, nắm bắt kịp thời những biến đổi của tình hình kinh tế - xã hội.

Mỗi địa phương, mỗi vùng miền đều có những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, những đặc điểm về phong tục tập quán khác nhau. Muốn phát triển được giáo dục, muốn quá trình giáo dục mang lại những hiệu quả tốt nhất, các cấp quản lí cần nắm rõ những đặc điểm chuyên biệt của địa phương, từ đó, đưa ra được các biện pháp phù hợp. Phú Bình là một huyện thuần nông với số dân canh tác nông nghiệp chiếm phần lớn. Học sinh nơi đây chủ yếu là con em nông dân sản xuất nông nghiệp với đặc điểm khác biệt về tính cách, tâm lí là thật thà, thẳng thắn, tình cảm và rất ngoan. Bởi vậy, giáo viên cần nắm rõ những đặc điểm này để thực hiện quá trình giáo dục một cách có hiệu quả nhất.

Những năm gần đây, tình hình kinh tế xã hội ở địa phương có sự thay đổi nhưng chưa tác động mạnh đến nền giáo dục. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ quản lí vẫn cần nắm bắt những thay đổi để kịp thời đưa ra những biện pháp giáo dục cần thiết, định hướng nghề nghiệp cho học sinh và giáo dục học sinh tránh xa các tệ nạn xã hội ở các khu công nghiệp. Hơn thế, các cấp quản lí giáo dục cần xây dựng chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương để phát triển mặt bằng giáo dục chung cho toàn huyện, xây dựng một nền giáo dục phát triển bền vững, giáo dục được thế hệ trẻ có lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng, có đầy đủ tài năng, phẩm chất và bản lĩnh, yêu Tổ quốc, yêu quê hương, yêu đồng bào bởi đó chính là những phẩm chất công dân cơ bản trong quá trình cây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai: Trong điều kiện hạn chế về tài chính và cơ sở vật chất, giáo dục phổ thông Phú Bình cần tập trung phát huy nhân tố con người, khơi dậy ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt tình và nâng cao năng lực hành động của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Điều kiện vật chất là rất quan trọng, song đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mới là yếu tố tạo nên sự phát triển có định hướng và đóng vai trò quyết định đối với chất lượng giáo dục. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, trước hết cần tập trung chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Phát huy đội ngũ quản lí và đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng để thực hiện tốt công tác xây dựng nền giáo dục bền vững. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỉ cương gắn với phong trào xây dựng *"Trường học thân thiện, học sinh tích cực",* phát huy những ưu điểm của từng đơn vị trường học, khắc phục nhược điểm về cơ sở vật chất, nâng cao trình độ, lòng yêu nghề, nhiệt huyết, phẩm chất cách mạng phụng sự cho sự nghiệp trồng người cao quý.

Thứ ba: Các cấp chính quyền tích cực đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh ở vùng còn khó khăn, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Đối với giáo viên đang công tác ở những nơi có điều kiện kinh tế, xã hội còn khó khăn trên địa bàn huyện, các cấp lãnh đạo nên chú trọng thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ để khuyến khích tinh thần, giúp giáo viên tiếp tục yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ.

Đối với học sinh là con em dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các cấp quản lí và các cấp chính quyền nên thực hiện tốt công tác hỗ trợ, đảm bảo cho các em học sinh có đủ điều kiện để tiếp tục đến trường.

Thứ tư: Các trường tích cực phối hợp với các cấp chính quyền đẩy mạnh tuyên truyền vận động thực hiện xã hội hóa giáo dụcnhằm tập trung nhiều nguồn lực phát triển giáo dục.

Các cấp quản lí giáo dục phải làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ và chính quyền địa phương để thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương, nhằm đáp ứng yêu cầu tốt nhất về phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay .

Cấp ủy và chính quyền từ huyện đến các xã, thị trấn tiếp tục có những quan tâm thực sự đến phát triển sự nghiệp giáo dục từ chủ trương tập trung nguồn vốn xây dựng thực hiện kiên cố hóa trường lớp, hỗ trợ kinh phí cho xây dựng trường chuẩn quốc gia, chỉ đạo và thống nhất việc chi trả chế độ cho giáo viên mầm non dân lập, giáo viên dạy buổi 2 lớp 2 buổi/ngày, quan tâm chỉ đạo việc bảo quản và tăng cường cơ sở vật chất các nhà trường tạo cho hoạt động dạy và học ngày càng tiến bộ.

Với phụ huynh học sinh và nhân dân, ngoài việc đóng góp nguồn vốn xây dựng cần quan tâm và kết hợp với nhà trường, với các đoàn thể để giáo dục học sinh ngay trong nhà trường, gia đình và ngoài xã hội.

Tiểu kết chương 3

Trải qua 30 năm xây dựng và phát triển (1986 - 2016), hệ thống giáo dục phổ thông huyện Phú Bình đã có những biến chuyển và thay đổi theo hướng tích cực với sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ quản lí, lòng yêu nghề và trách nhiệm nghề nghiệp cao của đội ngũ giáo viên cùng tinh thần ham học hỏi, yêu trường mến bạn của các em học sinh. Về cơ bản, giáo dục phổ thông huyện Phú Bình đã hoàn thành tốt mục tiêu từng năm học đề ra.

Mạng lưới và quy mô trường lớp được củng cố, mở rộng, số trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục tăng. Chất lượng giáo dục phổ thông có nhiều tiến bộ, trình độ hiểu biết, năng lực tiếp cận tri thức của học sinh được nâng cao lên một bước. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đã tăng nhanh về số lượng và có sự tiến bộ về chất lượng, đáp ứng được yêu cầu phổ cập giáo dục, phát triển các cấp học và trình độ đào tạo. Công tác quản lý giáo dục có bước chuyển biến tích cực theo hướng chuẩn hóa, nhất là trong những năm gần đây. Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục được cải thiện, phòng học kiên cố, nhà công vụ cho giáo viên, nhà nội trú, xây dựng cảnh quan môi trường sư phạm cũng được đẩy dần được đẩy mạnh

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được, giáo dục phổ thông huyện Phú Bình vẫn còn tồn tại những hạn chế về cơ sở vật chất và trình độ phát triển so với mặt bằng chung của tỉnh. Tuy nhiên, sự chênh lệch này là không lớn và các cấp lãnh đạo, quản lí đang dần cố gắng để xóa bỏ những chênh lệch, sẵn sàng đưa giáo dục phổ thông Phú Bình vươn lên ở một tầm cao mới.

KẾT LUẬN

1. Trong 30 năm xây dựng và phát triển, giáo dục phổ thông huyện Phú Bình đã có những biến đổi theo hướng tích cực. Sự chuyển biến ấy đã khẳng định đường lối đổi mới do Đảng ta lãnh đạo và khởi xướng là hoàn toàn đúng đắn.

Những thành tựu mà giáo dục phổ thông mang lại đã góp phần lớn vào công cuộc xây dựng kinh tế xã hội của huyện Phú Bình nói riêng, của toàn tỉnh Thái Nguyên và nước ta nói chung đã đào tạo ra những thế hệ học trò có đủ tư cách phẩm chất và năng lực sáng tạo để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa công bằng dân chủ và văn minh. Chất lượng giáo dục phổ thông của huyện cũng đạt được nhiều tiến bộ. Số lượng học sinh giỏi và học sinh khá không ngừng tăng lên, số lượng học sinh đạt các mức hạnh kiểm tốt và khá cũng tiếp tục tăng. Tình trạng học sinh bỏ học ngày càng giảm, đảm bảo 100% các em học sinh trong độ tuổi đến trường đều được đi học. Bên cạnh những thành tựu về chất lượng học thì chất lượng dạy học cũng được tăng lên. Đội ngũ quản lí và đội ngũ giáo viên không ngừng tiếp tục học tập và nâng cao trình độ rèn luyện năng lực phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp đảm bảo chất lượng dạy học ngày càng phát triển.

Nhờ có sự nỗ lực cố gắng cùng các biện pháp giáo dục chất lượng và tích cực, trong những năm qua tỉ lệ học sinh đạt giỏi, khá có hạnh kiểm tốt luôn được duy trì ở mức cao. Tỉ lệ học sinh trung học phổ thông thi đỗ tốt nghiệp luôn trên 97%, các trường luôn đảm bảo là môi trường sư phạm lành mạnh giúp các em học sinh hoàn thiện về trí tuệ và đạo đức.

2. Đảng bộ huyện Phú Bình cùng các cấp quản lí luôn có những chỉ đạo sát sao, kịp thời đến công tác giáo dục. Đảng bộ huyện Phú Bình đã tích cực vận dụng đúng đắn đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước trong việc lãnh đạo công tác giáo dục.

Trong quá trình triển khai chủ trương phát triển giáo dục, Đảng bộ huyện Phú Bình đã có những chỉ đạo chặt chẽ nhằm phối hợp với các cơ quan đoàn

thể. Trong đó, Huyện ủy cùng Ủy ban nhân dân huyện đã từng bước xây dựng cơ chế quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện thống nhất từ huyện đến các địa bàn xã, thị trấn. Huyện ủy cùng các ban, ngành, đoàn thể đã tạo điều kiện cho học sinh học tập tốt hơn bằng việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học, chú trọng giáo dục toàn diện, tạo môi trường giáo dục lành mạnh, xây dựng xã hội học tập.

3. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, giáo dục phổ thông ở huyện Phú Bình vẫn còn tồn tại những khó khăn, hạn chế chưa được khắc phục

Chất lượng văn hóa, giáo dục y tế, đời sống nhân dân đã được nâng cao nhưng đằng sau đó là những nguy cơ tiềm ẩn, gây khó khăn cho giáo dục phổ thông, đó là: Tình trạng học sinh bị ảnh hưởng bởi những tệ nạn xã hội như điện tử, hút chích các chất gây nghiện tác động ngày càng nhiều và càng phức tạp khó lường; cơ sở vật chất được tăng cường, đủ các phòng học lý thuyết, đủ các phòng học chuyên môn nhưng việc khai thác, sử dụng hiệu quả các phòng chức năng còn hạn chế, chất lượng giáo dục chưa đồng đều, trình độ nhận thức của học sinh còn hạn chế, đối với đội ngũ cán bộ giáo viên một số ít còn bị động, chưa thay đổi được phương pháp đọc - chép truyền thống, đội ngũ giáo viên trẻ thiếu kinh nghiệm giảng dạy nên chất lượng giảng dạy còn bị ảnh hưởng.

4. Muốn công tác giáo dục phát triển một cách có hiệu quả phải chú trọng thực hiện theo chủ trương "*Giáo dục là quốc sách hàng đầu*" vì phát triển giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, phát huy nguồn lực xã hội để phụng sự tốt cho sự nghiệp giáo dục.

Từ đó ngành giáo dục phải tích cực tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể, phối hợp với các ban ngành đoàn thể đưa ra những biện pháp giáo dục tích cực, đồng thời phải tăng cường công tác quản lí giáo dục vì công tác quản lí giáo dục là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng giáo dục. Các cấp quản lý giáo dục phải chủ động, tích cực đề xuất tham

mưu với các cấp có thẩm quyền những vấn đề có tính chiến lược, hiệu quả cho phát triển giáo dục phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Phải bám sát thực tiễn, bám sát cơ sở, phải có ý thức tìm tòi, phát hiện và nhân rộng mô hình tốt, những tấm gương điển hình tiên tiến, giải quyết kịp thời dứt điểm những vướng mắc, phát sinh. Thường xuyên chỉ đạo có hiệu quả công tác đổi mới phương pháp dạy học trong các nhà trường, nội dung giáo dục cũng cần được bổ sung những nội dung mới để phù hợp với những chuyển biến kinh tế xã hội tại địa phương. Không ngừng nâng cao năng lực nhận thức và trình độ của các em học sinh để đào tạo được nhiều thế hệ học trò tiếp tục cố gắng cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình (2005), *Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930 - 2005.*
2. Bộ giáo dục và đào tạo (1995), *Năm mươi năm sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 - 1995)* NXB giáo dục, Hà Nội.
3. Cục thống kê tỉnh Bắc Thái (1991), *Số liệu thống kê tỉnh Bắc Thái (1986 - 1990)*
4. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2002), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997-2001*
5. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2003), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2002.*
6. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2004), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2003.*
7. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2005), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2004.*
8. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2006), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2005.*
9. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2007), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2006.*
10. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2008), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2007.*
11. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2009), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2008.*
12. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2010), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2009.*
13. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2011), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2010.*
14. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2012), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2011.*

15.Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2013), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2012.*

16.Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2014), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2013.*

17.Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2015), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2014.*

18.Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2015.*

19.Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2017), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2016.*

20.Đảng bộ huyện Phú Bình (2009), *Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội huyện Phú Bình.*

21.Đảng bộ huyện Phú Bình (2013), *Nghị quyết hội nghị lần thứ 14, ban chấp hành đảng bộ huyện khóa XXV năm 2013*.

22.Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật.*

23.Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) về văn hóa, xã hội, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, đào tạo*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24.Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

25.Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), V*ăn kiện Đảng Toàn tập, tập 51 (1991).* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội**..**

26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng khóa XI, chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020.*

27.*Đồng khánh địa dư chí (*2003), Nxb Thế giới.

28.*Hồ Chí Minh toàn tập (1995)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4.

29.*Hồ Chí Minh toàn tập (2000),* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội, tập4

30.Nguyễn Văn Huyên (2005), *Văn hoá và giáo dục Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội..

31.Phan Ngọc Liên (2007), *Hồ Chí Minh về giáo dục*,Nxb Từ điển bách khoa.

32.Phòng giáo dục và đào tạo huyện Phú Bình (2001), *Báo cáo tổng kết năm học 2000-2001*.

33. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình(2002), *Báo cáo tổng kết năm học 2001-2002*.

34. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2003), *Báo cáo tổng kết năm học 2002-2003*.

35. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2004*), Báo cáo tổng kết năm học 2003-2004*.

36. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2005), *Báo cáo tổng kết năm học 2004-2005*.

37. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2006), *Báo cáo tổng kết năm học 2005-2006*.

38. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2007), *Báo cáo tổng kết năm học 2006-2007*.

39. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2008), *Báo cáo tổng kết năm học 2007-2008*.

40. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2009), *Báo cáo tổng kết năm học 2008-2009*.

41. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2010), *Báo cáo tổng kết năm học 2009-2010*.

42.Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2011), *Báo cáo tổng kết năm học 2010-2011*.

43.Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2012), *Báo cáo tổng kết năm học 2011-2012*.

44.Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2013), *Báo cáo tổng kết năm học 2012-2013*.

45. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2014), *Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014.*
46. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2015), *Báo cáo tổng kết năm học 2014-2015.*
47. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Phú Bình (2016), *Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016.*
48. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2001), *Báo cáo tổng kết năm học 2000-2001.*
49. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2002), *Báo cáo tổng kết năm học 2001-2001.*
50. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2003), *Báo cáo tổng kết năm học 2002-2003.*
51. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2004), *Báo cáo tổng kết năm học 2003-2004.*
52. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2005), *Báo cáo tổng kết năm học 2004-2005.*
53. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2006), *Báo cáo tổng kết năm học 2005-2006.*
54. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2007), *Báo cáo tổng kết năm học 2006-2007.*
55. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2008), *Báo cáo tổng kết năm học 2007-2008.*
56. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2009*), Báo cáo tổng kết năm học 2008-2009.*
57. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2010), *Báo cáo tổng kết năm học 2009-2010.*
58. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2011), *Báo cáo tổng kết năm học 2010-2011.*

59. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2012), *Báo cáo tổng kết năm học 2011-2012.*
60. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2013), *Báo cáo tổng kết năm học 2012-2013*
61. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2014), *Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014.*
62. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2015), *Báo cáo tổng kết năm học 2014-2015.*
63. Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (2016), *Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016.*
64. Nguyễn Đăng Tiên (chủ biên) (1996), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8- 1945*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
65. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2010), *Quy hoạch tổng thể phát triển huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.*
66. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1992.

PHỤ LỤC

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG PHÚ BÌNH TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2016

Hình 1: Hội thi phụ trách sao giỏi năm 2017 trường TH Tân Đức

Nguồn: Trường Tiểu Học Tân Đức

Hình 2: Tổ chức chuyên đề dạy học theo phương pháp " *Bàn tay nặn bột*" môn khoa học lớp 4

Nguồn: Trường TH Kha Sơn

Hình 3: Trường TH Úc Kỳ tham gia Đại hội thể dục thể thao xã Úc Kỳ

Nguồn: Trường TH Úc Kỳ

Hình 4: Trường TH Tân Thành

Nguồn: Trường TH Tân Thành

Hình 5: Học sinh trường THCS Lương Phú tham gia cuộc thi học sinh giỏi cấp trường các môn văn hóa

Nguồn: Trường THCS Lương Phú

Hình 6: Trường THCS Thanh Ninh tham gia Đại hội thể dục thể thao xã Thanh Ninh

Nguồn: Trường THCS Thanh Ninh

Hình 7: Học sinh trường THCS Hà Châu tham gia kì thi kết thúc học kì

Nguồn: Trường THCS Hà Châu

Hình 8: Lễ khai giảng trường THCS Lương Phú năm học 2017 - 2018

Nguồn: Trường THCS Lương Phú

Hình 9: Tiết thể dục giữa giờ của học sinh trường THCS Kha Sơn

Nguồn: Trường THCS Kha Sơn

Hình 10: Học sinh trường THCS thị trấn Hương Sơn chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ thị trấn Hương Sơn.

Nguồn: Trường THCS thị trấn Hương Sơn

Hình 11: Tổ chức thao giảng chào mừng ngày 20/11
tại trường THCS Dương Thành

Nguồn: Trường THCS Dương Thành

Hình 12: Chương trình " *Hũ gạo tình thương - Tiếp bước tới trường*"
trường THCS Tân Khánh

Nguồn: Trường THCS Tân Khánh

Hình 13: Xây dựng công trình măng non, hưởng ứng phong trào *"xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực"* trường THCS Nga My

Nguồn: Trường THCS Nga My

Hình 14: Học sinh trường THCS Tân Thành tham gia chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp tại trường CĐ Tài chính - kế toán

Nguồn: Trường THCS Tân Thành

Hình 15: Chương trình trao quà tết cho học sinh nghèo trường THPT Điềm Thụy

Nguồn: Trường THPT Điềm Thụy

Hình 16: Một tiết học trường THPT Điềm Thụy

Nguồn: Trường THPT Điềm Thụy

Hình 17: Giải bóng đá cấp trường trường THPT Phú Bình

Nguồn: Trường THPT Phú Bình

Hình 18: Phòng truyền thống trường THPT Phú Bình

Nguồn: Tác giả tự chụp

Hình 19: Bằng khen trường THPT Phú Bình

Nguồn: tác giả tự chụp

Hình 20: Tác giả đi khảo sát - thăm quan trường THPT Lương Phú

Nguồn: Tác giả tự chụp

Hình 21: Bằng khen trường THPT Lương Phú

Nguồn: tác giả tự chụp

Hình 22: Đoàn viên Thanh niên trường THPT Lương Phú thực hiện thực hiện chương trình "*ngày thứ 7 tình nguyện*" tại nghĩa trang liệt sĩ huyện Phú Bình

Nguồn: Trường THPT Lương Phú